

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

- 
- * Tiếng xung-hô của người mình... *Hoa-Bằng*
 - * Tùy hứng... *Tiên-Đàm*
 - * Cần phải cứu sống những nhà văn, nhà báo... *Phạm Mạnh Phan*
 - * Phê-bình hai vở kịch « Kinh-Kha » và « Ông Ký Cóp »... *Tổ-Phang*
 - * Hai xuân oanh liệt của nước Việt-nam ta (II) Hết... *Dương-Kị*
 - * Ông Lê-Ngô-Cát... *Vân-Thạch*
 - * Hoa mai (Hết)... *Kiều-Thanh-Quế*
 - * Bá Đa Lộc và Hoàng Lê Mậu (II)... *Nguyễn Triệu*
 - * Tình trạng nền báo xưa... (I)... *Nhật-Nham*

Góp chút kiến-giải vào từ-ngữ học

TIẾNG XƯNG HÔ CHA MẸ

của người mình phải chăng đã chỉ rõ những vết biến thiên trên lịch sử dân tộc Đại-Việt ?

HOA-BẰNG

PHẦN nhiều thứ tiếng trên thế-giới, vẫn đều trông tiếng con / trẻ kêu cha thường phát âm bằng chữ b hoặc p.

Trẻ Tàu kêu « ba ba » 爸爸 ;

Trẻ Pháp gọi « papa » ;

Trẻ Nam kêu là « bố » hoặc « bô »...

Từ đời thượng cổ, dân ta đã kêu cha là « bô » (gần âm với bố). Trong truyện Hồng-bàng-thị ở Lĩnh-Nam trích quái có chép : « Dân hễ có sự gì thì kêu gọi vua Lạc-long ; « Bô ơi ! sao không đến cứu chúng tôi ? » Rồi tác-giả sách ấy chưa ở dưới : « Người Nam gọi cha bằng bô... là bắt đầu từ đó ».

Đến khoảng cuối thế-kỷ thứ VIII, người nước ta vẫn kêu cha là bố, mẹ là cài. Chứng cứ là, sau khi vua Phùng-Hưng mất (Phùng-Hưng phục quốc năm 791, có lẽ tháng hạ vào khoảng sau đó một, hai năm), người nước lập con là Phùng-An làm đô phủ quân, tôn Phùng Hưng làm Bố Cái đại vương (Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục, tiền biên, quyển IV, tờ 26).

Như vậy, ta có thể nói : « bô » hoặc « bố » là tiếng « chính-ng » của dân tộc Đại-Nam. Còn « cha, bác, thầy, cậu, ba » này khác chỉ là những tiếng

hoặc biến chuyển mà gia nhập, hoặc ngoại lai mà hóa thành.

Do những tiếng xưng-hô cha mẹ đó, nay thử xét qua lịch-sử tiến hóa của dân tộc ta.

Tiếng « bố » là « cha » ấy còn sống mãi đến bây giờ. Vì ở những nhà bình dân trong những hương thôn xa thành thị còn kêu như vậy. Mà trong văn liệu ta cũng còn dùng đến tiếng « bố » ấy. Gần đây người ta vẫn truyền tụng câu đối của một thầy dạy chữ nho :

« Bô đầu bô lấy tiền » (1).

Còn tiếng « cái » là « mẹ » ? Bây giờ hình như không thấy dân gian dùng nữa. Nhưng do tiếng « cái » là « mẹ » ấy, ta có thể đoán : dân ta ban đầu là theo chế-độ mẫu-hệ, nên tiếng « cái » đã phổ thông trong dân gian và được ững dụng vào cả ca dao, tục ngữ :

« Con đại, cái mang » ;

và :

« Tháng chín thì quít đồ tròn,

« Tháng ba, ngải mọc, cái con tìm về ! »

Về sau, do sức phản động của nam-giới, chế-độ phụ-hệ ngày một mạnh, lần át được mẫu quyền, nên có lẽ vì thế, tiếng « cái » dần bị xóa nhòa trong vòng đại-chúng.

Chữ hán nhờ quân-sự và chinh trị được « nhập-cảng » xứ này. Văn-hóa ngoại lai theo sức bành trướng của Hán-học, dần dần chiếm được địa-vị ưu thắng hơn văn-hóa cổ-hữu của người mình.

Ban đầu học chữ hán : Phụ là cha, Mẫu là mẹ. Người ta vẫn đặt cho mẹ ngang hàng với nhau. Nhưng sau đó, hạng « cha », vì được riêng hưởng giáo-dục, vì được luân-lý nâng đỡ và pháp-luật bênh-vực, càng ngày càng bước lên địa-vị cao-quý mà đứng vào hàng thống-trị.

Một khi cha, chồng ở trong gia-đình đã được tôn làm hạng người hướng-đạo và dạy dỗ vợ con, lẽ tất nhiên được đóng vai làm « thầy » là bậc cao hơn địa-vị « cha » một tầng nữa.

Trình-độ phụ-nữ vẫn thấp kém vì không được hưởng-thụ giáo dục như đàn ông và không được pháp-luật che-chở bênh-vực như ở những nước tiên-liến, nên địa vị người mẹ vẫn cứ đứng yên như trước, trong khi người đàn ông đã từ địa-vị « cha » được nâng lên địa vị « thầy » rồi. Vì vậy, trong nhiều gia-đình, trước khi Đông Tây gặp nhau, vẫn thông-

thường kêu phụ mẫu là « thầy mẹ », chứ trong tiếng khau-ngữ không thấy gọi là « cha mẹ » như trong « văn ngữ ».

Căn-cứ vào đấy, ta có thể nói : trình-độ phụ-nữ xứ này, sau khi từ chế-độ mẫu quyền chuyển sang chế-độ phụ-quyền, thường đứng im không tiến mà bao giờ cũng đi sau nước bước của phái đàn ông.

Từ khi người mình Âu-hóa, thời buổi chuồng thiếu-niên, hiếu-thương của phần đông dần bị lói cuốn theo hoàn-cảnh. Vả, từ chế-độ tư-thực tự-do bước sang chế-độ học-đường công-lập, nhiều người xao-nhãng về việc gia-đình giáo-dục, quên lửng cái lối đình-huấn của thời-kỳ mực tàu giấy bản, vì lầm tưởng rằng để con ra, đến tuổi cho đi trường học, nhờ xã-hội giáo-dục là đủ, chứ người làm cha không cần phải kiểm cái chức làm « thầy » nữa.

Vì vậy, trong cách xưng-hô cũ, con cái đã từ « thầy mẹ » chuyển sang « cậu mợ », rồi lại từ « cậu mợ » chuyển sang « ba, mẹ ».

Ta nên chú ý vào tiếng « me » và tiếng « cậu mợ » ở hiện đại đương dùng.

« Me » là do tiếng « mère » của Pháp mà ra. Ban đầu nó « nhập cảng » vào những gia-đình ông Ký, ông Thông, ông Phán... Rồi dần dần những nhà khác cũng ồ-ạt bắt chước để tỏ ra ta cũng biết mới và thích mới đây.

TÙY HƯNG

Mơ hoa

Cuối đông mai chớm nở,
Đầu xuân hoa rục rờ ;
Song song kín trên cành,
Hàng hàng chen cánh lá ;
Quả mai ba bảy vira,
Má đào thêm hớn-hở.
Yêu hoa hỏi những ai
Mộng mai chuyện còn nhớ...?

Tự thuật

Bốn mươi cái xuân qua,
Thế sự một giấc mơ ;
(Ông danh tuy đã gác,
Sự nghiệp vẫn mong chờ ;
Năm châu mờ khói lửa,
Bốn bề sóng cồn xa ;
Bên song chồng sách cũ,
Há chỉ chuyện vẫn vơ ?

TIỀN-ĐÀM

Xuân Quí mùi

Lớp lão đại đến đây bị đời nhìn bằng cặp mắt không thích, vì người ta thấy trong giới tân học, nhiều người trẻ tuổi, rất được trọng dụng, nên đồ xô về một hăm-mộ hạng trẻ, ca tụng tuổi anh-niên. Nhiều cặp vợ chồng tuy còn ít tuổi mà đã nghiêm-nhiên đứng chủ một tiểu gia-đình, rất thịch cho con cái mình kêu là « cậu mợ », để thay cho tiếng « thầy mẹ », một lối xưng-hô có vẻ nghiêm-trang già-lão.

Đồng thời, nền kinh-tế trong xứ khi đó bị lung-lay vì kỹ-nghệ máy móc, người ta không thể cứ trông vào mảnh vườn thước ruộng mà mong đủ no ấm cho một gia-đình, nên họ g thiếu-niên trong dân quê nhiều người phải rời đồng-bãi mà ra làm ăn buôn bán ở thành thị. Rồi chịu ảnh-hưởng

của hoàn-cảnh, người ta cũng bảo con cái kêu cha mẹ là « cậu mợ » như những gia-đình quyền-quý hoặc công chức nọ kia.

« Cậu mợ » nguyên là tiếng nhà quyền-quý dùng để kêu dâu, con. Bây giờ nhiều nhà thường kêu cha mẹ là « cậu mợ » thì tiếng « cậu, mợ » ấy theo một nghĩa rộng hơn khi nó chưa được dùng làm tiếng xưng hô cha mẹ.

Hiện nay, ở ngoài Bắc, tiếng xưng hô cha mẹ đang ở trong thời-kỳ quá-độ.

Có nhiều gia-đình đã kêu cha là « ba ». Tiếng « ba » ở ngoài Bắc này không phải trực-tiếp phỏng theo tiếng « papa » của Pháp, mà là theo cách gián-tiếp vì đã chịu qua

một lần thái độ của các bạn trong Nam-kỳ.

Nhưng, còn tiếng kêu mẹ ? Chị em ngoài Bắc tỏ ra hãy còn dè-dặt trước con đường đời mới, nên có nhà còn gọi là « mẹ », có nhà vẫn kêu là « mợ ». Chấp lại thành những tiếng xưng-hô « bán tán » : « ba, mẹ » hoặc « ba, mợ », chứ chưa thấy mấy nhà dùng cả hai tiếng « ba, mẹ ».

Xét sơ cách xưng-hô cha mẹ như thế, ta có thể hạ một câu kết luận : phải chờ lịch-sử dân tộc ta đã trải qua nhiều bước biến-thiên vì gặp văn-hóa ngoại lai và, từ sau khi chế-độ phụ-hệ đã đứng vững, phái phụ-nữ to đỏi với việc gì cũng vậy, bao giờ cũng nhường chức tiên-pho cho đàn ông ? HOA BÀN

T) Đối với : « Mổ bụng con nhe chử »

Chống nạn giấy khan và đắt

CẦN PHẢI CỨU SỐNG NHỮNG NHÀ VĂN NHÀ BÁO

PHẠM-MẠNH-PHAN

TRÊN mặt tờ báo này chúng tôi đã nhiều lần lên tiếng than phiền về nạn giấy in báo khan và đắt gây do bọn đầu cơ giấy.

Chúng tôi rất lấy làm vui sướng được thấy lời kêu của chúng tôi đã thấu tới nhà cầm quyền và một ủy ban về giấy (comité du papier) đã thành lập và đang thi hành các phương pháp gát gao đề ngăn ngừa các quân đầu cơ giấy.

Vừa rồi, luôn trong hai số Tin-Mới ra ngày 27 và 28 Janvier 1943 bạn đồng nghiệp tốt sáng của chúng tôi là ông Hoa-Nam dưới cái đầu đề mạnh bạo « *Chúng tôi lột mặt nạ bọn đầu cơ giấy* » đã vạch rõ cái thảm trạng của làng văn làng báo hiện thời và những hành vi phi pháp của những quân đầu cơ giấy để trục lợi một cách dè hèn ti-tiền.

Thật hiện giờ, làng văn làng báo đang sống một cơn ác mộng về nạn giấy khan và đắt. Hết thầy đều luôn luôn phải đối phó với những mảnh lời sảo quyết của bọn đầu cơ giấy để tránh cho chúng khỏi hoành hành bạo ngược !

Phác tả cái tình trạng đeo neo hiện giờ của những nhà cầm bút bạn Hoa-Nam của chúng tôi đã viết :

« Thần chết với lưỡi liềm ác nghiệt như đang chờ sẵn trước ngưỡng cửa các nhà bao hàng ngày, hàng tuần và các nhà xuất bản nhà văn đề gieo rắc vào đó

sự khủng bố và đe dọa cuộc sống còn của họ trong từng giây từng phút » (Tin-Mới số 951).

Thật là số phận mong manh của những tờ báo và tạp chí đã đến lúc nguy nan !

Cuộc thử thách của bọn đầu cơ giấy với những người cần đến giấy để theo đuổi công cuộc văn-chương không còn là một sự thử thách lên lút nữa.

Mấy tháng trước đây chúng còn ở dè dặt sợ. Giá giấy tuy có cao nhưng trước sự hy-sinh của các báo sự tăng giá đó mặc dầu đã làm thiệt thòi lớn lao cho các báo nhưng cũng còn thể kham được.

Đến nay, những quân đầu cơ giấy với lòng tham lam vô độ đã ngang nhiên khinh mạn và pháp luật và dư luận mà tuyên chiến một cách đường hoàng với toàn thể làng văn làng báo.

Giá giấy đã tăng lên quá tới 4, 500 phần trăm và còn đe dọa tăng lên nhiều hơn nữa.

Làng văn làng báo, mặc dầu từ trước tới nay vẫn lấy lòng nhân từ kêu gọi thiết tha mong đánh thức những quân đầu cơ giấy để chúng hồi tỉnh mà dừng tới mắt vì tiền làm hại nhiều người khác.

Nhưng đối với chúng lời nói là thừa ! Kêu gọi lương tâm chúng khác nào như kêu gọi nơi sa-mạc.

Không còn thể sao lấy tình đồng chủng mà đối đãi với chúng.

Không còn thể sao lấy lòng nhân đạo mà cư xử với chúng một cách độ lượng.

Những quân đầu cơ giấy đã vì tiền tài, vì lòng tham không đáy ngang nhiên đứng vào phe địch của toàn thể làng văn làng báo.

Mặc dầu lưới gươm pháp luật của nhà cầm quyền vẫn không kiêng nể chúng, nhưng chúng đã bày ra một trận tuyến đầy mưu cơ sảo quyết với những tay sai đặc lực để che mắt nhà đương đạo mà hòng toàn thắng đùn các nhà cầm bút cùng gia đình họ vào đất chết.

Phiên chợ âm phủ của chúng có lỗ chực, có liên lạc và có cả một bộ tham mưu đầy kinh nghiệm về việc làm tiền theo những hành vi phi pháp vô lương tâm và vô nhân đạo.

Chúng nặn óc nghĩ ra những cách mua chuộc lòng người dễ dãi hành động trong các phiên « chợ đen » để ủng hộ cho chiến tuyến chúng, hòng-sở phe địch là những nhà báo vào bước đường cùng đề lột khí giới !

Thấy bóng một nhà báo những quân đầu cơ giấy bảo nhau đóng chặt cửa kho và khiếp sợ như sợ hung thần !

Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi, khổ sở về khan giấy, mang « lit săng » của chính phủ cấp cho đến mua tại một vài hiệu giấy.

Họ niềm nở trả lời rằng « hết » ! Nhưng biết đích trong kho của một quán dầu cơ giấy còn nhiều giấy, ông bạn đồng nghiệp kiên tâm của chúng tôi bền đứng đợi trên vỉa hè trước kho giấy nọ trên 24 tiếng đồng hồ với ít lương thực mang theo trong túi áo ! Ông cố ý xem có ai vào mua giấy thì theo vào nài bán, nếu không, sẽ trình nhà chức trách. Sau ông bạn đồng nghiệp của chúng tôi đã thắng lợi : nhà buôn nọ thấy phiên chợ đen của mình bị cản trở, liền sai người ra điều đình bằng lòng bán cho ông khách hàng « hóc búa ấy » !

Thấy thoáng bóng nhân viên của ủy ban coi về giấy, những quán dầu cơ run sợ mà chạy trốn. Nếu ai chia giấy phép riêng của chính phủ hay bông của ủy ban về giấy, chúng bện hết lần ấy sang lần khác, hành hạ đủ thứ rồi mới gạt nước mắt mà phải bán theo như giấy tờ đã định.

Chính phủ đã bắt những ai buôn giấy phải khai số giấy có ở trong kho. Nhưng một phần những người này đã tìm đủ khéo để che mắt pháp luật, không sợ tù tội mà khai man hoặc giấu kín số giấy họ có tàng trữ ở các nơi.

Vì vậy chiều theo số giấy đã khai, ủy ban về giấy chỉ có thể cấp các bông mua cho các báo một số giấy ít ỏi đủ in một, hai số !

Rồi hết số giấy đó, các báo hoặc phải khoanh tay chịu chết hoặc phải bắt đặc đi mua giấy bằng cái giá bóp cò lè lười.

Chống nạn giấy in báo khan và đắt, bạn Hoa-Nam của chúng tôi đã đề nghị :

1-) Tặng tiền thưởng (prime) cho những người nào tố cáo những nơi tích trữ giấy,

2-) Điều đình với các hãng nhập cảng xuất cảng bán thang cho các nhà báo và nhà in theo số giấy cần dùng của họ đã khai.

3-) Nới rộng quyền hạn của ủy ban về giấy.

Chúng tôi rất biểu đồng tình với những điều đề nghị ấy. Hơn nữa chúng tôi mong chính phủ cho các đại biểu của các nhà báo, các nhà in và các nhà xuất bản được có chân trong ủy ban về giấy để họ được rộng quyền bàn bạc và bênh vực một vấn đề có can thiệp đến sự sinh sống của họ.

Ngoài ra chúng tôi còn thấy nhiều người không phải buôn giấy nhưng thấy trong buổi này giá giấy vọt lên cao cũng bỏ tiền vào ra tích trữ giấy. Rồi không có môn bài họ ần nấp sau bóng một số nhà in, đường hoàng buôn giấy mà không phải ở dưới sự kiểm soát của nhà cầm quyền.

Những mưu kế vào quyết của bọn đầu cơ về giấy thật là thiên hình vạn trạng... Chúng tinh quái làm chệch những phương pháp mẫu nhiệm của chính phủ đối với

chúng để tránh khỏi phải vào an trí tại các đề lao !

Chúng tôi thiết tha mong những phương pháp gắt gao hơn sẽ được đem thi hành một cách triệt để.

Chúng tôi mong có những cuộc điều tra kỹ càng về nạn đầu cơ giấy và có những cuộc chẳng lưới pháp luật trên khắp các thị trường giấy để vây bắt những quán dầu cơ mà kim kíp lòng tham tai hại của chúng.

Những hung thần ấy của làng văn làng báo chỉ chuyên môn gieo tai rủa họa cho những người cần đến giấy mà vơ vét tiền tài phí nghĩa một cách đường hoàng.

Đối với chúng, nay chỉ có một cách duy nhất : một là chúng quy hàng, kiêng nể làng văn làng báo mà mở cửa kho kín của chúng cho số giấy tích trữ được đem bán trên thị trường theo giá của hội đồng. Hai là những người đòi cùm bui, trước thế lực của đồng tiền, đành phải để những cơ quan ngôn luận của mình vắng tiếng trên văn đàn vì nạn giấy khan và đắt.

(Xem tiếp trang 17)

SÁCH MỚI

Tri-Tân đã nhận được :

1-) **Hai vờ kịch** (Kính-Kha Ông kỳ cốp) của Vi Huyền-Đắc do Hàn-Thuyên xuất bản.

Sách giấy 166 trang, giá 1 \$ 80.

2-) **Nguyễn-Du và truyện Kiều** (nghiên-cứu và phê-bình về tác-giả truyện Kiều của Nguyễn-bách-Khoa cũng do Hàn-Thuyên xuất bản.

Sách in đẹp, giấy 340 trang, giá 3 \$ 50.

3-) **Hai quyển « Thống chế » và « Bắc đầu bội tình »** trong bộ **Bách hoa đại tự điển** của Lê văn Hòe do Quốc-học Thư-xã xuất bản. Mỗi quyển khảo một chữ, giá 0 \$ 20.

4-) **Lộ mệnh tiêu** của Giáo sư Lưu cận, in đẹp, 32 trang là sách khuyên các bạn thanh niên trong việc gây dựng gia đình.

5-) **Truyền kỳ mạn lục** của Trúc-Khê dịch, Phê thông bản nguyệt san xuất bản.

Xin cam ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu cùng bạn đọc.

TRI - TÂN

Y-học thưởng-thức

NGƯỜI LAO MẠNH

nên làm nghề gì ? nên ở đâu ?

Của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

DẤU là người thấy khỏe đã lâu rồi mà bệnh không trở lại,

DẤU là người chỉ có khác ra máu rồi thôi chứ không thấy biến-hoạn chi khác,

DẤU là người có phổi còn đương bị ép mà hươg-y cho phép vận-dộng như người mạnh,

DẤU là người đã hơn hai năm không thấy ốm, không thấy mệt và được liệt vào hạng đã mạnh hẳn,

Các người ấy cũng chỉ là mới ký tờ đình-chiến với vi-trùng lao mà thôi. Đình-chiến, nhưng kẻ nghịch là kẻ ham chiến-dấu, không biết ngày nào nó sẽ 'thừa dịp tốt mà tấn-công trở lại. Ta nên coi sự đình-chiến ấy là một « vũ-trang hoà-bình » (paix armée) mà thôi.

Tục ngữ Âu-châu có câu : « Nếu anh muốn hòa bình, anh nên dự bị chiến-tranh » (si tu veux la paix, prépare la guerre) Đối với vi-trùng Koch, ta phải có cử-chỉ ấy, phải dè-dặt thế ấy. Ta nên gìn-giữ thế nào cho vi-trùng không làm hại gì nữa được, cho người bệnh mới mạnh không đau lại, cho người mạnh hẳn được mạnh hẳn luôn.

Vậy người nào trong đời mà có bị bệnh lao thì dầu nặng, dầu nhẹ, dầu đã mạnh rồi cũng phải cần-thận, cũng phải giữ đúng phép vệ-sanh trong cách ăn cách ở, cũng phải chọn-lựa nghề-nghiệp đúng cho đời sống của mình khỏi bị những điều bất-tắc, những sự tai-ho.

Nên dè-dặt mà không nên lo sợ lắm vì sự lo sợ có thể đem tới cho cơ-thể những sự suy-nhuộc trong khí nó cần đủ lực-lượng để chống-thắng vi-trùng.

Trong hồi mới mạnh

Dầu giỏi đến bậc nào đi nữa, hươg-y cũng không dám nói quả-quyết rằng một người bị lao mới vừa hết là mạnh hẳn, bệnh lao không thể nào trở lại được. Ai cũng phải đợi chờ sự trả lời của thời-gian. Đợi ít nữa là hai năm mà thấy bệnh không tái-phát mới có thể nói là bệnh hết thật.

Thời-gian hai năm đây là « hạn đợi chờ », là hồi khôi-phục. Người có đủ tiền tài mà sống như ý muốn thì khỏi nói, chỉ lo cho kẻ tay làm hàm nhai, tháng ngày vất-vả. Tôi muốn nói những người phải lăn-lóc trong xưởng máy, đứng miết trong 1 cửa hàng, ngồi mãi sau một bàn giấy, ngày đêm sống trong một căn nhà nhỏ hẹp, ít khí-trời mà khí-trời lại dơ-bẩn. Lắm khi họ phải làm công-việc nặng-nề mệt nhọc. Biết sao ? Công việc làm ấy cần-thiết cho sự sống của họ. Họ phải làm việc mới có mà ăn, mà uống. Nhưng họ cần phải dè dặt. Phải có một « kỳ-hạn giao-thời », kỳ-hạn mà họ nên làm việc lần-lần tăng-tập cho cơ-thể thêm cứng-cát, ít sợ mệt nhọc. Họ nên làm việc buổi sáng mà thôi. Còn buổi trưa thì dùng mà nghỉ ngơi và đi dạo

ngoài đồng trống. Như vậy vài ba năm, nếu bệnh không trở lại thì họ mới nên mừng là đã mạnh hẳn.

Nếu mỗi năm họ nghỉ làm việc được hai tháng thì quý lắm. Lúc nghỉ, họ nên ở trên núi hay ngoài đồng, xa thành-thị, nhất là xa nhà-máy ít nữa cũng mười cây số, đừng có khí-trời trong sạch. Trong « hạn đợi chờ », họ không nên đi ngoài trời lúc nắng gắt và lúc có mù-sương nhiều.

Nên chọn nghề-nghiệp nào ?

Dầu người lao mới mạnh hay thiệt mạnh cũng vậy, sự chọn nghề lựa nghiệp rất có quan-hệ tới sự khỏe-mạnh về sau.

Cố-nhiên, làm một nghề dầu nặng-nề đi nữa mà ở chỗ phong-thoải tốt (nhà ở ngoài đồng, trên núi) còn hơn là ngày tối cặm-cui trong một phòng giấy, đã không vận-dộng được nhiều mà lại phải thở khí-trời bế-hãm (air confiné). Bởi vậy cho nên có nghề họ nên tránh, có nghề họ làm được.

Họ nên tránh :

1-) nghề không được sạch sẽ như là điều-duỡng ;

2-) nghề có bụi-bặm nhiều như đốt than, làm trong nhà máy (nhất là nhà máy xay), trong trại nọc, nhà dệt, xưởng ciment ; nghề có mùi dơ-bẩn, hôi-hám như đồ rác, nấu bếp, nấu cau-su ;

3-) nghề phải dùng đồ có hơi độc như họa-sĩ, thợ nhà in, thợ mạ thiếc (étameur), thợ bạc, hoặc làm diêm quẹt, làm trong xưởng thuốc lá ;

4-) nghề phải bị nóng quá rồi lạnh quá như làm ve chai, chụm máy (chauffeur de machine) ; nghề ướt át như giặt-ủi ;

5-) nghề phải sống trong chỗ tối tăm như thợ-mỏ ;

6-) nghề phải làm ban đêm như

làm bánh mì, ca vũ (acteur de théâtre — danseur).

Có biết bao nghề khác mà họ có thể làm được như hát tót, buôn bán chẳng hạn, miễn đừng sống trong chỗ khí-lò không được tinh-khiết. Nên lựa trước nhất những nghề bắt họ phải ở giữa bầu không-khí trong sạch như làm ruộng, làm vườn.

Một điều cần-kíp ta nên nhớ hoài rằng sự lo-lắng, buồn rầu có thể làm cho cơ-thể suy-dốn. Vậy về nghề-nghiệp, việc làm bằng tay chon mà ở trong chỗ không-khí không được tinh-khiết đi nữa cũng ít có hại hơn là công-việc đem tới một trách-nhiệm nặng-nề, khiến mãi-mãi luống lo phiền, luôn-luôn phải tính-toán, dẫu với người đã lành bệnh, giữ kỷ được phép vệ-sanh, ăn được chất bổ, thở được khí-trời tốt.

Phải lựa chỗ ở

Tự-nhiên, đồng-bãi và núi-non là chỗ mà người bị lao nên ở. Hẳn bạn đọc cũng như tôi là ta ước ao cho tất cả người bị lao đều có thể sống trong một bầu không-khí tốt lành như thế.

Nhưng, nói thì dễ mà làm thì khó, vì trong đồng-bãi có đâu đủ công ăn việc làm cho tất cả người bị lao. Và lại, có phải bất cứ người lao đã mạnh nào hễ làm-lụng trong thành-thị là phải bị nguy đâu?

Ta chỉ cần nhắc họ phải dè-dặt luôn-luôn, họ không nên làm việc quá sức. Nếu mỗi năm họ có thể ra đồng hay lên núi mà ở một vài tháng thì đã tốt lắm rồi.

Viết đến đây, tôi chợt nhớ tới loài cây ăn-thịt (plantes carnivores) mà bông nó thì màu sắc tốt đẹp, mặt nhụy ngọt thơm, làm cho phải một lúc say-sưa ong đoán bướm lú.

Thống chế Pétain đã nói :

« Nhờ có bại trận mà mối đồng-tâm của quốc-gia được thắt chặt : chúng ta sở dĩ quây quần để tìm sự bảo-vệ chung. Sự gần gũi đó, âu chỉ là tự-nhiên, là hy-vọng nâng đỡ nhau trong cuộc phục-hưng. Nhưng Quốc-gia Cách-mệnh còn phải cần sự thống-nhất của nước Pháp ».

Nhưng ong bướm đương mê say hương sắc thì các cánh-hoa bỗng chuyển mình co lại nhốt chúng vào trong để đợi lúc thịt tan cánh rã.

Bạn đọc ơi, cây kia là thành-thị mà ong bướm nó là dân thôn-quê. Vì nghe lời rủ quyến, dân-quê ham tiền, ham vui-sướng, đua nhau tách lìa đồng-bãi mà đến chốn phồn-hoa. Đến đó, tiền bạc, sung-sướng, vui vẻ dẫu chưa thấy, họ chỉ thấy phải sống vui-dạp trong những xưởng máy, trong những căn nhà nhỏ hẹp, tối tăm, ướt-át và họ phải ăn thiếu, mặc thiếu. Thành thị là chỗ đem lại những điều tàn-khốc cho cả khu-xác lẫn tinh-thần của họ !

Bác-sĩ Dumarest có thuật câu chuyện lý-thú sau đây :

Một người dân-quê ở trong một làng nhỏ miền núi. Hồi còn trẻ, anh đến thành Lyon mà tìm kế sanh-nhai, nhưng bị khạc ra máu và bị lao khá nặng. Anh lật-đặt trở về làng cũ, sống vất-vả như xưa. Anh chuyên nghề san-bôn, cực-nhọc nhiều bề, nhưng hưởng được cái thú non xanh rừng rậm. Bệnh tình anh lần lần thuyên

giảm và khi anh mất thì tuổi đã quá lục-tuần.

Cũng lý-thú thật câu-chuyện sau này :

Một bạn tôi—người Huê-kiêu—có người bà con ở gần Hong-kong. Người này tới làm công ở Hong-kong với người Hồng-mao. Một hôm anh ta khạc ra máu. Người chủ đưa lại lương-y Hồng-mao coi mạch. Anh ta bị lao nặng, rọi kinh thấy nhiều vết ở phổi. Bị đuổi về đồng, anh ta sống lây lất, trồng cai xa-lách-xon (cresson) và thường đem cộng non lá tốt ra chợ mà bán, còn khúc già thì luộc mà ăn. Hai năm sáu, một hôm anh ta bỗng gặp người chủ cũ. Chủ thấy anh ta vẫn ki ỏe-mạnh, lại coi mập-mạp hơn trước, mừng rỡ hỏi ban thì mới biết rằng chỉ nhờ ăn gốc xa-lách-xon mà mạnh. Chủ không tin, dắt anh ta đến cho lương-y đa coi cho anh ta coi lại. Vị lương-y này lấy làm ngạc-nhiên mà thấy các vết ở phổi đều đã lành cả. Anh ta mừng quá, về truyền lại với anh em bà con rằng : « Có bị lao, cứ ăn cộng xa-lách-xon già ».

Nhưng đó hẳn là một trường-hợp với anh thợ săn của bác-sĩ Dumarest.

Rốt cuộc, ta nên kết luận bài này bằng hai câu đầy ý-nghĩa của ông Taine : « Người là một con thú bởi bản-tánh và cơ-thể » (L'homme est un animal par nature et par structure). « Sự vận-dộng thân-thể, sự chuyển-luyện bắp-thịt, không-khí và mặt trời là những điều kiện cần thiết và thích hợp cho sức khỏe của nó » (Dumarest).

Bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔI

(Rút trong quyển BỆNH HO LẠO mới xuất bản).

CÁCH ỨNG DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP KIA

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

I. Phương pháp chung cho các khoa.

Tôi không đi tìm cách dịch Hóa học, Hình học, Vật lý học, Y học, Thiên-văn hay Địa-lý gì cả, vì dịch Khoa-học hay là dịch những chữ chuyên-môn như người ta vẫn làm xưa nay là thất sách.

Tôi đã đi khảo cứu tiếng việt để tìm cách đặt tiếng việt mới, tìm cách cấu tạo ra những tiếng việt mới tinh để làm giàu cho tiếng mẹ đẻ, chữ mới tinh cần để diễn những tư-tưởng mới, cần để nói và viết khoa-học bằng tiếng ta. Dịch thì vẫn dùng những chữ đã sẵn có, xếp đặt lại mà thành ra, tiếng mẹ đẻ khi đó không giàu thêm lên một đồng một chữ nào cả. Dịch khoa học là làm, dịch cho đúng nghĩa từng chữ một lại càng làm. Những người làm như vậy là những người không nghĩ đến rằng khoa học còn biến cải tiến đạt nhiều, những điều hiểu biết của các nhà khoa học hiện thời chưa chắc đã đúng xác sự thật.

Cái phương-pháp của tôi cốt ý làm cho tiếng việt có thể sanh nở mãi mãi, không có giới hạn nào ghìm nó lại được.

Tôi tưởng cái đầu đề « *Adaptation de la langue annamite à la langue scientifique* » đang trên báo Annam-Nouveau nó rõ ràng lắm thì phải, thế mà còn có người làm, trông chỉ dùng nó trong một phạm-vi chật hẹp được thôi,

lấy dụ như Hóa-học. Cái đầu đề ấy có thể dịch sang tiếng ta như thế này : « Uốn nắn tiếng việt làm sao để dùng nó trong văn khoa-học được ? »

Vậy cái phương pháp kia dùng được trong Hóa-học là món khó nói bằng tiếng ta nhưt, thì cũng dùng nó trong các khoa khác được, bất cứ khoa nào.

Vì bất cứ khoa nào, những chữ chuyên môn cũng phải tạo ra mà dùng chứ không dịch được, đầu rằng khi đứng một mình (*isolés*) những chữ ấy có thể dịch cho thiệt xác nghĩa. Bởi vậy cho nên mới cần đến một hạng chữ gọi là chữ chuyên-môn. Nếu dùng những chữ thường ngữ, nghĩa là những chữ sẵn có rồi, chấp nối lại mà viết khoa học cho rõ ràng được thì đã không cần phải có một thứ chữ gọi là chữ chuyên-môn. Tiếng nước nào cũng vậy, cái số chữ chuyên môn cần phải có, là còn tùy ở cách đặt câu riêng của từng thứ tiếng.

Có ông nào trong một tuần san kia đã nói rằng : « Chữ chuyên-môn đã thiếu là thiếu tất cả ». Ý ông muốn nói chữ chuyên-môn nào mà mình đã không có thì dịch cũng không được. Nhưng ông chỉ biết thế thôi. Ông không biết làm cách nào mà viết khoa-học toàn bằng tiếng ta cho được.

Không dịch được thì chỉ còn có một cách là đặt ra những tiếng mới, tạo ra những chữ mới dùng làm chữ chuyên-môn.

Muốn tạo ra những tiếng mới để dùng làm chữ chuyên-môn, thì tùy theo từng trường hợp, người an-nam mình chỉ còn có ba cách này là dùng được thôi :

1-) Việt-hóa các chữ vạn-quốc khoa-học ngữ. (*Annamiser les mots techniques adoptés par les congrès scientifiques*).

2-) Lấy những chữ thường ngữ (tiếng ta hay chữ nôm) diễn những ý chuyên-môn, rồi mười chữ rút lại còn bốn, bốn chữ rút lại còn hai, hai chữ rút lại thành một bằng cách nói riu (*contraction*).

3-) Khi nào không nói riu lại được thì dùng lối nói lái (*métathèse*) rồi hai tiếng chọn một, bỏ một.

Ngoài ba cách ấy không còn phương pháp nào nữa.

II. Tiêu tiết riêng cho từng khoa

Đây là phương pháp chung cho các khoa ; khi ứng dụng còn phải tùy theo từng trường hợp mà dùng cách này hay cách kia trong ba cách chỉ trên. Mỗi khoa, tùy theo cái tính cách riêng của nó, sẽ có những tiêu tiết riêng.

A) Tỷ dụ về Hóa học.

Hóa học là môn có nhiều những tiêu tiết hơn cả. Cách kêu các hợp-tố cùng cách viết tắt các hóa vật (nguyên tố và hợp tố) đã được các hội nghị vạn quốc khoa-học định lệ rồi thì ta nên dựa vào tiếng vạn quốc hay là tiếng pháp cũng vậy mà đặt tên việt cho chúng để cho ngôn ngữ được thông đồng.

Còn những chữ chuyên-môn khác của Hóa học, không cần mà cũng không nên dựa vào tiếng âu-châu. Phải dùng tiếng ta làm căn tự rồi biến hóa nó đi bằng lối nói riu (*contraction*) hay lối nói lái (*métathèse*) để cho những

người học sau này dễ suy nguyên mà dễ nhớ.

A) *Hóa-học* đẳng cấp danh từ hay là tên của các nguyên-tố và các hợp tố đặt cho có manh-mối, liên can thúc bá để khi kêu lên thấy ngay từng hạng từng thứ, ngành trên, ngành dưới, đời trước, đời sau, mà lại dựa vào tiếng pháp hay tiếng vạn quốc thì chúng sẽ như thế này.

Nguyên-tố (corps simples) có Kim (métaux) và Thô (métalloïdes).

1) *Danh từ các Nguyên-tố.*

Tên các Nguyên-tố sẽ là những chữ lưỡng vận (mots simples dissyllabiques) vì phần nhiều khi viết tất phải dùng đến hai chữ cái (lettres de l'alphabet). Hai vần rất tiện. Vần thứ hai mình sẽ ghép bằng một âm (un son) riêng để phân biệt tên các Kim cùng tên các Thô. Vần thứ hai của tên các Kim sẽ ghép bằng một vần trắc (vần ngược), thường là vần *om* vì phần nhiều tên các Kim của vạn quốc đang sau có âm *ium*. Tên các Kim người ta mới tìm thấy đều đặt như thế cả, tỷ dụ Polonium, Philippium, Nipponium, Celtium, vân vân.

Vần thứ hai trong tên các Thô sẽ là một vần bằng (vần xuôi) thường ghép bằng âm *o* (le son *o*) vì phần nhiều tên các Thô của vạn quốc có phải phát cái âm *ore, one, on*, phần nhiều chữ không phải khắp loạt, vì vậy nên cách xưng hô các Nguyên-tố của vạn quốc mới lộn-xộn, không phân biệt Kim, Thô. Nhưng người Pháp hay người Âu cứ để lộn-xộn như vậy mà vẫn có lý là vì trong 90 Nguyên-tố hiện giờ người ta biết, thì có đến 7, 8 mươi thứ đã có tên sẵn trong thường ngữ,

tự bao giờ rồi, tự khi chưa có khoa Hóa học kia. Nếu đặt lại cho chúng mỗi thứ một cái tên mới cho có thứ tự rành mạch theo óc khoa học, mà cái tên mới hay cái tên khoa học ấy (nom scientifique) không phải phát được cái tên thường của chúng thì chỉ thêm rắc-rối khó nhớ thôi.

Còn mình, trong một trăm thứ mình mới có tên cho mười thứ thôi, thì mình nên đặt tên cho chúng một cách phân minh, khoa học, để phân biệt tên Kim, tên Thô, nhất là những tên khoa học ấy lại phải phát được cái tên thường của chúng trong tiếng ta. Đặt một cách rất công phu, rất khoa-học là theo được lối viết tắt của vạn quốc, lại phân biệt Kim Thô và phải phát tiếng thường ngữ không bại về một phương diện nào. Như vậy mà còn có người ngần ngại không ưa thì thiệt là câu-nệ, ít óc khoa học, ít sáng kiến bao dạn.

Mỗi tên hai vần mà lại thêm huyền, sắc, hỏi, nặng, ngã vào nữa thì sẽ an-nam 100%, không khác gì những tên cần-câu, đao-phay, thìa-là, tia-tô, kinh-giới, bồ-hòn, bồ-kết, đu-đu. Không dễ dấu giọng trong các tên mới đặt ra là vì cái đó chỉ phiền phức chứ không lợi gì về phương diện khoa học cả.

Lúc đầu, mới học, phải đọc cả hai vần cho quen miệng; sau thuộc rồi, nghe thấy vần trên nhớ đến vần dưới rồi thì không cần nữa, chỉ đọc vần đầu thôi nếu khi viết tắt chỉ cần có một chữ cái thôi.

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

Cùng các bạn hội-viên Hội « Cựu sinh-viên các Trường Thợ Đồng tại Bắc kỳ ».

Hội ta đã họp đại hội-dồng thường niên tại khách-sạn ORIENTAL, ngày chủ-nhật 24 janvier tức 10 giờ sáng.

Danh-sách các bạn trong ban Trì-sự khoa 1942 bầu hôm 24 janvier 1942 đã thành lập:

Ch. hội-trưởng: NG. ĐA PHÚC

Phó hội-trưởng: LÊ VĂN BÌNH

Tổng Thư-ký: ĐỖ HUY NHIỆM

Phó Thư-ký: LÊ QUANG LUẬT

Thủ-quỹ: MAI VĂN HÀM

Phó Thủ-quỹ: NG. ĐỨC PHAN.

Cò-ván MM. NG. HUY LAI

VŨ HỮU HIỆU

NG. VĂN TỔNG

RIGAULT GABRIEL

Kiểm-soát: LẠI VĂN HUÂN

NG. VĂN PHÂN.

Từ nay ở các tỉnh Nam định, Phát diêm và Hải phòng các bạn ở đây hay vùng lân cận xin giao thiệp thẳng về tiền nông hay thư từ với các bạn.

Namđinh: ĐÀO VĂN HUÂN, Distillerie Indochine

Phatdiêm: TRẦN XUÂN NGUYỄN rue Thuan Kiem.

Haiphong: VŨ VĂN QUANG, Cie franco asiatique des Pétroles, hay NGUYỄN

MẠNH HÀ, contrôleur du Travail. Các tỉnh khác và ngay Hanoi xin viết cho bạn ĐỖ HUY NHIỆM, conservation des Hypothèques, Hanoi. Ban trị sự lại cáo

ĐÃ CÓ BÁN:

LUẬN TÙNG

trong « Tủ sách Văn Việt »

Một tập hồ sơ đáng lên tòa phủ cán của học giới đề yêu cầu xét lại sự đã vùi lấp tức tử trong cõi quên lạnh lùng

Đầy 160 trang — Giá 180

TRIẾT HỌC EINSTEIN

trong « Tủ sách triết học »

Đầy 250 trang — giá 240

SẮP CÓ BÁN:

THI HÀO TAGORE

Một công trình khảo cứu rất công phu của ông Nguyễn Văn Hai đời ngót 400 trang

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

49 — TaKou — Hanoi

Phê bình

HAI VỞ KỊCH

của VI HUYỀN ĐÁC

TỔ-PHANG viết

NHÀ xuất bản Hàn Thuyên vừa cho ra *Hai Vở Kịch* (Kính-Kha — Ông ký Cóp) của ông Vi Huyền Đắc. Tựa của hai vở kịch chỉ rõ đó là hai vở kịch thuộc về loại kịch tánh-cách. Nhất là vở *Ông ký Cóp* khiến người ta tưởng là một vở kịch tánh-cách rõ-rệt hơn.

Thật vậy, khi nghe câu thơ-ký, con ông phán Đạt, cháu ông ký Cóp, nói: « Người ta đi làm nòng dàu có một mẹ chồng, chứ cái đời đi làm thông ngôn thật là đủ ba mươi sáu mẹ chồng » (trang 83), người ta ngỡ tác-giả khởi sự tả cái tánh-cách riêng biệt của một ông ký. Song thật ra thì khác hẳn. Chuyện chánh trong vở kịch là chuyện dựng vợ gả chồng diễn trong gia-đình ông phán Đạt những chuyện ấy nhờ ông ký Cóp bày mưu lập kế được thành. Ông ký Cóp « là một người hậu u « thiên-bạ » mà bạc u gia », « là một ông trạng-sư của các gia-đình » mà là « một tên tội nhân » đối với gia đình của mình, đề thì giờ gián vếp công-việc nhà cho ông Nguyễn trọng Ích rồi đến công-việc nhà ông Nguyễn-viết-Dạt, mà vợ con ở nhà còn mất chẳng hề hay biết lo âu, « hồi nam kia có thằng bé con nhà hai bị mẹ mình nó cõ sang Tàu, cũng chẳng rõ mẹ nó đã tìm

thấy chưa ». Một bản ngã như cái bản ngã ông ký Cóp âu cũng đáng làm một vấn đề lý-thú trong vở kịch, đáng cho nghiên-cứu tinh-tưởng hơn, song đó không phải mục đích của tác-giả.

Tác giả đã chẳng muốn nghiên cứu tánh-cách của một ông ký ở công đường làm dàu « đủ ba mươi sáu mẹ chồng », tác-giả cũng chẳng muốn trình bày cái bản ngã tương phản của một kẻ « ăn cơm nhà lo việc thiên hạ ». Tác giả muốn và đã chỉ rõ ngón tinh xảo của một đầu óc đầy mưu kế, ngón tinh xảo đem thi hành với một bà phán giàu lòng tin nhiệm, ngón tinh xảo chuyên lo thu xếp những bụng chứa hoang. Kề ra, ông ký Cóp cũng khéo bày mưu lập kế dặng đánh lừa bà phán, thu xếp một lần xong cả việc hôn nhơn của cô Lan, cậu Cả và việc mang đứa con riêng của ông Đạt về nhà ; thật là « *nhất cử tam, tứ tiện* » ; song ông đã làm cho cả cha con ông phán Đạt mang phải tội loạn luân, bắt con riêng của ông Đạt phải nhận làm cháu ngoại, cháu nội ông, nghĩa là làm con của con ông để gạt gẫm bà phán cho yên việc.

Ngoài cái tội về mặt luân lý, ông ký Cóp còn làm một lỗi khác, trong bài toán thời-giờ : gần cuối hồi thứ nhất (tác giả gọi là đoạn thay vì hồi) « nhà hai » của ông phán Đạt « ở cũ một tháng cháu giai »,

đến hồi thứ ba, « cách đấy năm sáu tháng sau », thằng bé tự nhiên đã lớn hơn một đứa bé vừa mới sanh, lớn hơn một cách rõ-rệt, không người đàn bà nào không nhận được chỗ khác nhau ấy ; một đằng khác ở hồi thứ hai, cô Lan đối mẹ « đã có mang được năm tháng rồi », từ đó kể đến hồi thứ ba, được thêm năm tháng, nghĩa là từ ngày cô Lan có mang đến hồi thứ ba, ít ra, tính cũng được mười tháng. Nói cách khác, đến hồi thứ ba, cô Lan (nếu thật) vừa mới ở cũ, con của Lan không quá một tháng được, con của Lan nhỏ hơn đứa bé ở hồi thứ ba rất nhiều và rất rõ-rệt ; có thể nào bà phán Đạt đã nuôi đứa bé ấy « vài tháng giòi » (tr. 162) được, ở vào hồi thứ ba, trừ phi cô Lan sanh non tháng ? Và có thể nào bà phán không nhận ra chỗ lớn nhỏ khác nhau giữa một đứa trẻ mới vừa sanh (nếu là con của Lan) với một đứa nhỏ đã sanh được năm sáu tháng (con của Đạt, em của Lan) ? Rõ thật ông ký Cóp ta mưu cao mà trí thấp, kế diệu mà tính lầm !

Về phương-diện sân khấu, đáng lẽ phải xem diễn mới nhận thấy được giá trị của vở kịch và phê phán mới khỏi lầm. Song cứ theo ngụ ý và theo chút kinh-nghiệm về kịch trường, tôi nhận thấy vở kịch *ông ký Cóp* rất « nguôi », nghĩa là không hoạt-động, không « cup lạc », về mặt luân lý thì không có kết quả giáo dục, về phương diện tình cảm thì không

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

chuyển động được lòng người, còn về phương diện nghệ thuật thì không say mê được khán-giả và độc-giả.

Cả một hồi thứ nhứt là cả một bữa ăn vô vị; mà không biết bữa ăn ấy người ta ăn làm thế nào được, bởi người ta mắng lo kể chuyện này rồi kể sang chuyện khác, từ chuyện cha truyền sang chuyện con? Trong hồi ấy, người ta giới-thiệu ông ký Cóp thích rượu Văn-diễn, bà phán Đạt dán cá khêu thơm, ông phán Đạt « ngày đi suốt ngày, đêm đi suốt đêm » và vừa có một đứa con riêng, cậu Cả đã lên « secrétaire quatre » đòi cưới một cô giáo ở Phú-thọ và cô Lan đã kết tình với một nhà văn ở Hà-thành trong khi cô còn đi học. Vai hệ trọng giữa những nhơn vật ấy là ông ký Cóp, đơm đường thu xếp sao cho con riêng được về ở với ông Đạt, cho cậu Cả, cô Lan được kết-hôn tự-do. Trong hồi thứ hai, một bức thư cô Lan gửi về báo cho cha mẹ hay cô đã có mang năm tháng. Ấy, cô Lan đã khởi sự thi hành diệp-kế của ông ký Cóp. Ông ký lấy cơ hội nhận lãnh thu xếp mọi việc, vừa lo cho cậu Cả cưới cô giáo ở Phú-thọ, vừa lo cho cô Lan được gả cho nhà văn-sĩ ở Hà-thành. Sang hồi thứ ba, mưu kế bại lộ, bà phán mới hay biết con bà đã giả cớ mang và đứa trẻ bà nuôi vốn là con của ông phán chớ nào phải là con của

Lan, cũng chẳng phải là con của cậu Cả. Trong chớp mắt bà phát giận, cũng trong chớp mắt bà nguôi và chịu thúc thủ trước những công-việc đã lỡ.

Suốt ba hồi, toàn là lời nói, không có một cử-chỉ hoạt-dộng, không xảy ra một việc bất ngờ, không có một cơ-hội nào-nhiệt, sán khấu lúc hào ạt cũng buồn-bã lạnh-lùng.

Kinh Kha cũng dài được ba hồi, song rất ngắn, ngắn không làm sao diễn đủ một buổi hát.

Kể về hình-thức, vở kịch này khác hơn vở trước ở chỗ có phân môi hồi (doạn) ra từng lớp (sen); nhưng cách phân lớp không được thuần nhứt. Cách phân lớp I đến lớp III không có chỗ chỉ trích được; cuối lớp I, có thêm vào sân khấu hai võ tướng và một lũ sĩ-tốt, tất nhiên đã sang lớp II; kể đó, một ca-nhi bước vào, thì sang lớp III. Theo lẽ, khi võ tướng cùng nội bọn kéo ra, bỏ lại sân khấu những vai cũ ở lớp I, phải sang lớp IV mới hợp pháp. Nhưng tác giả, không biết vì lẽ gì, không dời lớp ở đây, cho lớp III kéo dài mãi đến một vai khác vào. Một đàng khác, ở lớp I hồi I và lớp IV hồi II, tác-giả có kể tên các vai ở ngay đầu lớp, rất hợp cách trình diện nhơn-vật; nhưng ở các lớp kia, sao tác-giả không trình diện nhơn-vật theo một thế ấy?

Đó là những chi-tiết nhỏ-mọn, nếu tác giả không sơ thất, giá-trị vở kịch cũng không được gia-tăng. Phần quan-hệ và lý-thủ là chánh vở kịch.

Kinh-Kha, một đồng-sĩ châu du khắp thiên-hạ đi tìm người dùng mình, vào uống rượu và an thụy chớ trong một quán ở chợ nước

Yên cùng với một người bạn là Cao Tiêm-Ly sành nghề « đánh trức ». Giữa bữa, hai võ tướng và một lũ sĩ-tốt nước Tần xông vào quán hoành-hành hiếp đáp người trong quán và buông lời khinh rẻ người nước Yên. Trước cử-chỉ tàn bạo ấy, Kinh-Kha rất bất-bình, ba lần toan rút gươm ra trị bọn võ-tướng Tần, song không ra tay anh-hùng được bởi Cao Tiêm-Ly cản trở. Khi bọn võ-tướng Tần kéo ra đi, Điền-Quang vào quán tìm Kinh-Kha và ở giữa quán đem việc Thái-tử Đan cầu Kinh-Kha về giúp nước Yên để sẽ trả thù nước Tần. Kinh-Kha nhận lời. Điền-Quang ra về. Ngay phát sau đó, có thằng nhỏ chạy vào báo có người chết ở ngoài cửa, khi hai đồng-sĩ còn đánh chén và đánh trức. Hai đồng-sĩ ra xem và khiêng vào cái thầy Điền-Quang: Kinh-Kha bấy giờ ngụ ý hiểu Điền-Quang tự-sát để cho Thái-tử Đan không nghi ngờ mình để tiết-lộ cơ mưu phục-thù.

Sang hồi thứ hai, Thái-tử Đan tiếp Phàn U-Kỳ (Ô-Kỳ?) đến chờ tin Kinh-Kha, sau khi Thái-tử Đan cùng Cúc-Vũ bàn-bạc về sự dung túng Phàn U-Kỳ là một cựu địch của vua Tần. Ngay lúc ấy Kinh-Kha vào nhận lãnh sứ mạng sang Tần đặng lo đề phòng việc Tần sẽ đánh lấy Yên. Phàn U-Kỳ cũng lăm bàn-bạc về việc đi sứ, nhưng rồi xin lui về nhà để tìm mưu kế. Khi Phàn U-Kỳ đi, Thái-tử Đan cho đòi Tần Vũ-Dương để làm phó sứ cho Kinh-Kha. Liền khi ấy, gia-tướng của Phàn U-Kỳ vào dâng lên Thái-tử Đan một bức thư và cả thủ cấp của Phàn.

Trong hồi thứ ba, Kinh-Kha cùng Tần Vũ-Dương ra mắt vua Tần nơi cung Hàm-duong. Bấy

(Xem tiếp trang 16)

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước



HUNG vua Lê-Thánh-Tôn đã sắp đặt sẵn một trận đồ vô-cùng lợi-hại. Vua sai Tả-du-

Vệ Lê-hy Cát, Huệ-phong-Thiên, Tiên-phong Lê-Thế, Trùng-lục-Sái đem hơn 500 chiến-thuyền ra khỏi 2 cửa Tân-yêm, Cựu-tọa (ở Quảng-Nam bây giờ) đi vào Sa-kỳ Hải-môn (Binh-sơn, Quảng-ngãi bây giờ) đổ-bộ ở đó, rồi xây lũy đắp thành, đón đường về của quân giặc. Nguyễn-đức-Trung đem bộ binh đi lên vào miền núi. Vua thân-suất bảy vạn tinh-binh cùng 1000 chiến-thuyền, ra khỏi Tân-yêm Cựu-tọa, tiến đánh quân địch.

« Ngon sinh - kỳ mây cuốn gió bay, hăm trận đường xò củi mục : lửa phủ-việt sao ngời nhật rạng, phá thành như lột mo-nang... »

Bị vua cùng Nguyễn-đức-Trung hai bên giáp công, quân Chiêm đại bại, tìm đường chạy về Chà-bàn, Nhung vừa về thâu Mộ-nò sơn (phía tây Sa-kỳ Hải-môn) thì gặp quân của Lê-Hy-Cát đánh cho một trận liêng-viêng đều nổi quân-nhu và tử-thi đầy đồng. Tàn quân Chiêm nhằm núi chạy lên vừa gặp bộ-binh đến kịp, Lê-Niệm, Ngô-Hồng đánh cho một trận « thất diện bát đảo » nữa, phải hấp-tấp kéo về đồng-bằng, đến Thề-cần (ở Binh-sơn Quảng-ngãi) thì lại gặp chính đại-binh của vua Lê-Thánh-Tôn. Vua lừa binh chém giết, thế là đạo-binh « thiết-giap » của Chiêm-thành bị tan-vô, sức kháng-chiến của Trà-toàn chẳng còn bao-lắm. Đến ngày 27 tháng 2 thì Anh-Crivi (Thị nại) mất, rồi ngày mồng một tháng 3, thủ-Vijaya (Chà-bàn) thất-thủ. Trà-bàn cùng 30.000 người Chiêm bị

bắt sống, 40.000 người Chiêm khác bị giết. Thế là nước Chiêm-thành kiệt-hiệt bị diệt-vong từ đó. Vua Lê-Thánh-Tôn sáp-nhập vào nước Đại-việt hai châu Amaravati và Vijaya (từ Hải-vân quan cho đến giốc Vai-ella). Chỉ còn lại một phần năm đất là

hai châu Kanthara và Panduranga (miền cực-nam xứ Trung-kỳ bây giờ), thì lại bị vua chia làm ba nước nhỏ là Chiêm-thành, Hoa-anh và Nam-phan. Thực là :

« Ta rõ địch-tình như thấy, tiếng sấm vang tai nổ kịp che ; quân vào nơi hiểm-dịa mà yên, ngọn lửa bốc lòng thì phải cháy. Chỉ thâu công trong một buổi, mà rủa thẹn cho trăm vua. Đã vì dân trù tuyệt giống sâu keo, không nuôi giặc để lại cho con cháu... »

Xuân năm kỷ-dậu (1789)...! Nước ta hồi bấy giờ thực là bối-rối. Chúa Nguyễn-Ánh đã lấy và tổ-chức lại đất Gia-định. Chúa lại được ít người Pháp giúp sức, nên vua quan Tây-sơn phải truyền lệnh đề an lòng quân-lính, ở Binh-định, vua Thái-đức Nguyễn-Nhạc, sau khi bị em là Bắc-binh-vương Nguyễn-Huệ đánh thua, liền khur-khur ôm vàng bạc châu báu đã gom-góp được mà hùng-cử một nơi. Ngoài bắc, tuy Nguyễn-Huệ đã lấy lại được Bắc-hà, nhưng các đảng cựu-thần nhà Lê vẫn còn âm-mưu hoạt-động.

Vừa khi ấy thì được tin vua Lê Chiêu Thống đã rước quân nhà

hai xuân oanh liệt của Dân-Tộc VIỆT-NAM



Mãn-Khánh DƯƠNG-KY

(Bài gởi)

Thanh (hơn Tôn-Sĩ-Nghị, Sầm Nghi-Đống, Hứa-Thế-Thanh, v. v...) về lấy Bắc-hà. Tướng Tây-sơn Ngô-Vân-Sức đánh không nổi, lui về giữ núi Tam-diệp (đèo Ba-dội). Người ta thường bảo thời-thế tạo

anh-hùng, nhưng vua Quang-trung Nguyễn-Huệ lại không thế : như đã thấy trên, cơ-hội bấy giờ có phải là thuận-liện cho vua Quang-Trung phá quân nhà Thanh đâu ? Thế mà chúng đã bị đánh tan-

Cuộc thi văn-chương Alexandre de Rhodes về năm 1943

Thư-xã Alexandre de Rhodes tổ-chức hai cuộc thi văn-chương về năm 1943, trích 4000 \$ 00 để đặt các giải thưởng, và gia hạn đến trưa 1er Février 1943 là khóa sổ nhận các tác-phẩm dự-thi.

Hai cuộc thi này đã được giới trí-thức nước nhà cực-lực hoan-ngheh và nhiều nhà văn đã hưởng-ứng một cách nhiệt-liệt. Một chứng-cớ là những tác-phẩm gửi đến dự-thi đã tới một con số không ngờ :

1-) Giải Gia-Long : 79 quyền quốc-văn chưa xuất-bản.

2-) Giải Alexandre de Rhodes : 48 quyền (dịch văn Pháp ra quốc-ngữ).

Thư-xã Alexandre de Rhodes đã cử một hội-đồng giám khảo gồm có các vị sau này :

Chánh Hội-đồng : Quan Lại-bộ Thượng-thư Phạm Quỳnh.

Hội viên : Các ông : — Nguyễn-văn-Tổ tham-tá trường Viễn-Đông Bác-cổ, Chánh Hội-trưởng hội Truyền-bá quốc-ngữ, biên-tập tạp-chí Tri-Tân — Vũ-đình-Hoè, chủ-nhiệm tạp-chí Thanh-Nghị.

— G. Pisier, đại-biêu thư-xã Alexandre de Rhodes.

Vì số tác-phẩm dự-thi quan-trọng và cần phải lựa-lọc rất cần-thận, nên thời-hạn giám-khảo không thể nhất-định, trước khi công-bố kết-quả.

Ta nên nhớ rằng : cuộc thi văn-chương của Thư-xã Alexandre de Rhodes năm nào cũng có. Về năm 1944, hạn khóa sổ nhận tác-phẩm dự-thi định vào ngày 1er Février 1944.

Chắc còn hơn năm 1943, năm 1944 sẽ thêm nhiều văn-tài dự-thi, để khỏi phụ cái tiếng là dân một nước văn-hiến, để giúp cho công-cuộc Thư-xã Alexandre de Rhodes được nhiều kết-quả mỹ-mãn.

tàn mà về nước đó.

Được tin quân Tàu sang, Nguyễn-Huệ liền lên ngôi Hoàng-dê, kéo quân ra Nghệ-an, ở lại do 10 ngày đề tuyên thêm binh-linh. Đến ngày mồng một, vua truyền lệnh cho quân-linh an Tết, rồi

bảo chúng rằng : « Bấy giờ chúng ta hãy ăn cho tiêm-tat tước này, rồi kéo ra Thang-long. Chúng ta sẽ vào đó nhằm ngày mồng bảy, thì cũng vẫn còn là ngày Tết, các người nhớ đây ».

Rồi vua bố một trận cũng vĩ-đại, cũng thần tình khổng-kém gì trận đánh Chiêm-thành của vua Lê-Thánh-Tôn. Quân-linh ta ước-chừng 100.000 người, có thêm 400 voi, chia thành nam-quân. Tiền-quân do Đại-tu-mã Sở, Nội-hầu Lân chỉ-huy. Hậu-quân do Hám-hồ-hầu đốc-suất. Đại-đô-đốc Lộc đem Hữu-quân ra vùng Lạng-giang, Phụng-nhơn, Yên-thế, đề chặn đường về của quân Thanh. Đô-đốc Tuyết đem thủy-quân ra miền Hải-dương tiếp ứng về mặt đông. Đánh mặt đông thì có Đại-đô-đốc - Bảo và Đô-đốc - Mưu huy-động Tả-quân.

Đạo nghĩa-binh của nhà Lê bị đánh tan-tành. Nhưng quân nhà Thanh đã lập nhiều pháo-dài chung-quanh thành Thang-long. Nấp trong thành, chúng bắn đạn ra rào-rào. Vua Quang-Trung thân-hành đốc-chiến, sai lính lực-lượng mang những mảnh ván ghép lại, ở ngoài có quần-rơm

tầm nước, che cho quân cầm từ tiền đến hăm các đồn. Lại nhờ bảy voi trận của ta lừa ra vừa gặp lúc, đổ vào hậu-quân nhà Thanh, quân-linh ta lại nổi xông tới, nên quân Tàu đại-loạn. Các hăm địa-lồi chúng đặt sẵn đề phòng quân ta, lại nổ ngay dưới chân chúng. Những đồn quân Thanh chẳng bao lâu vào tay quân Việt (Hà-liễu, Ngọc-hồi, Đông-đa). Quân Tàu chết, thây nằm ngon-ngang. Tướng nhà Thanh như Hứa-Thế-Thanh, Trương Sĩ-Long, Thượng-Duy-Thang đều bị giết giữa trận ; Sầm-Nghị Đông lại thất cổ-tự-tư. Tàn binh sông xuôi theo Tôn-Sĩ-Nghị tranh nhau xuống cầu qua sông Nhị-hà. Cầu đổ. Làn nước do cuốn đi hàng nghìn xác chúi « con Trời ! »

Trưa ngày mồng bảy Tết, đúng như lời đã tuyên-bố, vua Quang-Trung vào thành Thang-long, áo ngự-bào đen cả thuốc súng, trong lúc bọn Tôn-Sĩ-Nghị, đem theo cái mộng phồn-tinh nước Việt, mà ôm đầu chạy về Tàu !

Xuân di xuân ^{***} và không biết bao nhiêu bận ; mỗi lần xuân đến, chắc các bạn cũng không khỏi thắc-mắc, bồi-hồi nghĩ đến xuân xưa oanh-liệt của nước nhà. Rồi trí liên-tưởng bắt ta nhớ đến các bậc anh-hùng khác như các bà Trưng, Triệu, đại-tướng Lý-Thường-Kiệt, Hưng-Đạo đại-vương, vua Lê-thái-Tổ cùng các vai anh-kiệt hữu-danh, vô-danh, đã từng có công với Tổ-quốc.

Thì nay, các bạn hãy cùng tôi, thời-lư trầm cho bốc cao ngọn khói thơm, mà kính cần cúi đầu truy-niệm đến ông cha xưa đã giới-bao nhiều máu, rải bao nhiêu xương để gây-dựng, tổ-diêm, bảo-tồn giang-san cầm-lú mà chúng ta đương chung hưởng ngày nay.

(Hết)

Mãn-Khánh DƯƠNG-KY

Một người đã dự vào việc làm
bộ Đại-Nam quốc-sử diễn ca

ÔNG LÊ-NGÔ-CÁT (1827-1876)

VĂN-THẠCH

Ông Lê-ngô-Cát, tự Bá-hanh, hiệu Trung-mại, người xã Hương-lang, tổng Lương-xá, huyện (Huông-mỹ, tỉnh Hà-dông, sinh nam Đinh-hợi, niên-hiệu Minh-mệnh thứ 8 (1827).

Thân-phụ huy Duệ, tự Ninh-phủ, hiệu Nhất-chân, nguyên Quốc-tử-giám giám-sinh, sau đỗ Cống-cử năm đầu Minh-mệnh, sung làm Nội-giám ba năm, nhân vì việc nhà xin cáo về. Thân-mẫu — con gái vị Đại-vương họ Chu người làng Cát-động, huyện Thanh-oai — sinh được ba giai và hai gái, ông Cát là con cả.

Bẩm tính thông minh, lại thụ-nghiệp với cha, ông học rất tận tụy, mười lăm tuổi đã làm được văn thơ mà sở trường về lời van nôm. Những lúc nhàn học, chỉ thích thả diều, ông có làm bài thơ chơi diều như sau này:

*Xuân nhật nhân du tác chỉ
diên,
Bạch bì, trúc cốt, dực phiên-
phiên:
Hung trung tổ uần lãng vân
chí,
Thừa bỉ hùng phong diệp lệ
thiên.*

Diễn nôm:

*Ngày xuân thông thả, thả diều
chơi,
Da giấy, xương tre (nan), bộ
canh dài.*

Tri Tân từ kỳ 84 này lại ra mỗi
24 trang như cũ.

Tiền thuyết « Đám hội Long trì »
ở số sau trơ đi, lại sẽ đang tiếp
T. T

欽定對策準繩秋冊

蘇軾

(Tư-tịch ông Lê Ngô-Cát)

Thẳng bước đường mây lòng
vốn ước,
Gió mây gặp hội cũng tung
trôi.

Một năm, giờ làm đại-hạn, ruộng đất khô nẻ, ông theo người nhà đi tát nước đêm. Trong lúc canh khuya yên tĩnh, trăng sao vàng-vạc, lại thêm gió mát hây hây, ông ngẫu-hứng vịnh ngay cảnh đẹp thiên-nhiên phô bày trước mắt và cái việc « nước » ông đương gánh-vác:

*Giác mộng Nam-kha khéo chớp-
chờn,
Giữ giờ riêng một cảnh giang-
sơn.
Cỏ cây vui thú, nằm yên nghỉ,
Sấm sét vang tai, dạ chẳng sờn.
Chênh-chếch đèn giăng soi
chiếc bóng,
Hiu-hiu quạt gió phẩy bên sườn.
Chút vì nổi « nước » nên ra
sức,
Bao quân phong-trần mảnh áo
đơn.*

Năm mậu-thân (1848), vua Tự-đức mới đang quang, gặp kỳ ân-khoa, ông ra thi Hương, đậu Cử-nhân thứ 3, khi ấy ông 21 tuổi, năm sau được bổ giáo-thụ phủ Kinh-môn (Hải-dương), ít lâu lại

Hộp thư

Chúng tôi có tiếp được mandat 8\$50 số 40343 162 ở Quốc Oai Sontây mà trong thư ký tên không rõ, vậy bạn nào gửi mandat ấy xin viết thư cho chúng tôi rõ địa chỉ để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước,

Ở Việt-làng, Vĩnh-độ. — Hai bài ấy miễn đăng. Xin lượng thứ.

Ở Trính như Nhiếp S.F.C.T. Hon-ney. — Đã nhận được 4\$50 tiền mua báo rồi cảm ơn.

cải bỏ Tri-huyện Thất-Khê (Lang-son), dần dần thăng Hàn-lâm-viện Biên-tu !

Năm mậu-ngọ, niên hiệu Tự-đức thứ 11 (1858) có chỉ triệu ông về Huế làm việc tại quốc sử quán (1).

Ông cùng quan Tư-vụ Trương-phúc-Hào làm ròng-rã mấy năm mới xong bộ *Đại-Nam quốc-sử diễn ca*. Lúc dâng lên ngự lãm, vua Tự-đức thấy lời văn gọn-gàng minh bạch, các điều nghị luận xác đáng không ruộm, liền ban khen và thưởng riêng ông hai đồng tiền vàng với một tấm lụa.

Nhân một buổi hội-họp anh em, có ông bạn đồng liêu nhắc đến việc ân-diễn vừa qua.

Trong lúc cao-hứng, ông ứng khẩu đọc :

*Vua khen thẳng Cát có tài,
Ban một cái khố với hai đồng tiền.*

Không ngờ câu văn được truyền tụng rồi tiếng đồn đến tai vua. Vua cho ông trong lúc đặc chỉ sinh ra ngạo-nạn, mới đổi ông làm Ân-sát Cao-bằng, kiêm chức Tán-trương quân-vụ.

Tuy được thăng quan, ông không lấy làm vinh. Ông dằn từ-giã chốn kinh-dò tráng-lệ để cùng vài người thân-thích lên nơi « ma thiêng nước độc » đương đầu với giặc.

Thuở ấy, tỉnh Cao-bằng vì ở

Đề tránh nạn thất học

« Nước Việt Nam ta sau này hay dở là ở chữ quốc ngữ » (Nguyễn văn Vĩnh). Vậy bà con trong thành phố ai ai cũng nên đến chiều 27 và chủ nhật 28 Février này đến dự ngày « Bánh Nước » tại Khai Trí Tiến Đức để lấy tiền giúp quỹ hội.
Hội Truyền Bá Quốc Ngữ

biên-giới nên hay bị toán giặc khách Ngô-Côn cướp phá, dân tình khổ sở, ngời Kinh phần nhiều tìm về quê lánh nạn.

Tỉnh thành luôn luôn bị công hãm, ông cùng ông em thứ hai là Lê-ngô-Học, làm Hiệp-quản, ngày đêm đốc-thúc việc tuần tiễu. Nhiều phen, ông phải tạm dời lỵ-sở hàng tháng, trải lắm nỗi gian-truân. Lòng ông chừng như chán nản muốn lui về vui thú điền-viên, ngại trọng trách không giao cho ai được ; ông chỉ còn biết một nịnh thần thờ :

*Giời dứt sinh ta lại hẹp ta,
Tới lui sao luống những dần-dà.
Quan ba tháng một như tuồng
mọi,
Tuổi nửa trăm dư (?) dễ muốn
già.*

*Gạo dẫu chen người thêm bận
bịu,
Rượu bầu gặp khách đủ khi-
khà.*

*Sân năm cây liễu, quê nhà đỏ,
Một khúc qui-lai ấy gọi là.*

Qua một thời kỳ loạn-lạc, nhân có tang, ông xin cáo về. Hồi ấy, ông có làm bài thơ :

*Duyên phận đâu mà dăm sắt
son,
Ta về, vườn cúc cũ ta còn.*

*Nhật thêm phong nguyệt ngày
thừa thừa,*

*Ôn lại « chi, hồ » lữ còn con.
Vui thú chi-lan hầu dễ ngán,
Nhớ mùi mực-tắc vẫn là ngon,
Thị-phỉ thấy cả nhân-gian
chuyện,
Giữ lấy phù-sinh một cuộc
tròn.*

(Còn nữa)
VÂN-THẠCH

(1) Bộ *Đại Nam thực lục* (đệ tứ kỷ, quyển 18, tờ 18) chép rằng : Năm Tự-đức thứ 11, tức là năm 1858, vua sai ông Phan thanh Giản, Phạm Huy chọn ai giỏi quốc âm cắt ra sửa lại bộ *Sử ký quốc ngữ ca* và đổi từ *Lê* — *Trịnh* đến sự tích vua Chiêu Thống. Ông Phan thanh Giản có em quan Biên-tu Lê-ngô-Cát, quan Tư-vụ Trương-phúc-Hào sung vào việc ấy. « Cuốn *Sử ký quốc ngữ ca* sau khi đã sửa lại lấy tên là *Đại Nam quốc sử diễn ca*.

Đến năm 1875, ông Trương vĩnh Kỳ — nhà bác học xã Nam kỳ in quyển Đ.N.Q.S.D.C. ra quốc ngữ. Trong bài tựa, ông Trương vĩnh Kỳ lại nói rằng : « *L'Histoire d'Annam en vers, dont nous publions la transcription, a été écrite, en 1860, par un mandarin annamite du nom de Lê ngô Cát, homme de forte érudition, chargé de la rédaction des Annales de l'Annam sous le règne de Tự đức (12e année).....* » (Tài liệu của Ứng hoè tiến sinh, xin cảm ơn tiến sinh).
V. T.

ĐÃ CÓ BÁN :

ĐÀO-DUY-ANH

TRUNG QUỐC SỬ CƯƠNG

(Từ đời Thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ)

Giá bán : 3\$00

VÂN-HÒA

29, Maréchal Pétain — Hu

Hai võ kịch

(Tiếp theo trang 11)

những cử chỉ thung-dung và những lời nói bình-tĩnh, Kinh-Kha dâng lên vua Tần cái thủ cấp của Phàn U-Kỳ và đến khi dâng bức địa-đồ đất Đốc cương, Kinh-Kha rút gươm tằm thuốc toan ám sát vua Tần; song vua Tần thoát chạy khỏi. Kinh-kha không giết được vua Tần, trai lui bị vua tôi nhà Tần băm nát thây.

Ngoài ra cuộc hỗn-loạn ở hồi thứ ba, võ Kinh-Kha còn có hai tấn thăm kịch ở hai hồi đầu, có thể làm tang tánh cách bi thảm của võ kịch. Tiếc cho hai tấn thăm kịch ấy, tác giả cho xảy ra ở « trong buồng » bên ngoài sân khấu, làm giảm rất nhiều cái vẻ bi-tráng cho toàn thể và làm cho võ kịch ít cảm-dộng không « cụp lạc ».

Ông Vi Huyền-Đắc, ở hồi thứ nhất, cho Điền-Quang tự sát ở ngay cửa quán; đợi đến khi có đứa nhỏ vào báo, Kinh-Kha với Tiệm Ly mới hay. Cách giàn xếp ấy không được hợp với sự thật, vì quán ở giữa chợ, là chốn đông-dân không tiện cho người ta tự tử; và một bức lão-thành có tiết-thảo

như Điền-Quang bao giờ chọn một nơi đông-dân để tự sát trước mắt thiên hạ? Một đằng khác, khi thấy Điền-Quang được đem vào quán, « con dao đâm mạnh lắm, còn cầm nguyên ở ngực Điền-Quang », « Kinh-Kha mới đáng hết sức rút mũi dao ». Nếu con dao đâm mạnh lắm và một đồng sĩ như Kinh-Kha phải rón hết sức rút ra, theo lý luận, con dao ấy phải do một tay đồng sĩ nào khác đâm vào ngực Điền-Quang, chớ không ai tin được mũi dao ấy do cái tay già yếu của Điền-Quang tự đâm vào mình. Và chẳng, theo ông Vi Huyền-Đắc, từ lúc Thái-tử Đan nhờ Điền-Quang đi tìm Kinh-Kha cho đến lúc Điền-Quang tự vẫn đã mất đi mấy ngày, trong khi ấy Điền-Quang có thể đem việc ấy tiết lộ ra trước khi gặp Kinh-Kha, thì ra việc Điền-Quang tự vẫn không đủ làm cho Thái-tử Đan tin nhiệm lòng trung thành của mình: sự tự vẫn của Điền-Quang đã vô ích vậy.

Phải chi, như trong *Người Ngàn Thu Cũ*, (1) tác giả cho Điền Quang tìm cách khích chí Kinh-Kha bằng câu nói: « Phàm kẻ cao-giả làm việc gì chớ nên để cho người ta nghi. Nay Thái-tử đem việc nước bàn với Quang

này, mà lại dặt Quang chớ tiết lộ ra, đó là có lòng nghi Quang thay đổi vậy. Nhưng Quang này có khi nào muốn thành việc cho người mà lại để người hoài nghi mình được! Vậy Quang chỉ còn đem cái chết để tỏ lòng chung thủy của mình. Quang chết rồi, xin tức-hạ kịp đi báo cho Thái-tử biết. » (*Người Ngàn Thu Cũ*, tr. 44). Và phải chi khi Điền-Quang dứt lời, tác giả cho Điền-Quang « rút gươm ra tự sọc vào cổ mình » (*Ibid*), tự vẫn ngay trước mặt Kinh-Kha, phải giàn-xếp hồi thứ nhất như thế, cái chết của Điền-Quang sẽ có nhiều giá-trị, vừa tỏ lòng trung thành của Quang đối với Thái-tử Đan, vừa kêu khích Kinh-Kha, vừa tăng thêm vẻ bi-thảm cho võ kịch. Và, rước phải giàn xếp như thế, sau khi Quang đã gục chết, Kinh-Kha tỏ khí tiết anh hùng một cách đồng-dạc, lúc màn hạ.

Trong hồi thứ II, tác giả đã sơ thất trong việc tính thì-giờ cũng như ở trong võ *Ông Ký Cóp*. Thật vậy, theo võ kịch, từ lúc Phàn U-Kỳ xin cáo từ Thái-tử Đan đến lúc tên gia-đình của Phàn mang thư và thủ cấp của Phàn đến dâng lên Đan, thì-giờ rất ngắn. Trong giây phút ngắn-ngủ ấy Thái-tử

ĐÃ CÓ BẢN

THU NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

HÌNH-ANH MỘT THỜI-ĐẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG THI-CA NƯỚC NHA

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ Nguyễn đồ-Cung

Giá bán: Loại thường: 4 \$ 25, loại bouffant hảo hạng: 7 \$, loại versé baroque erème: 20 \$

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN xuất bản

Boite postale 34 Hué

Đan, Kinh-Kha, Tần Vũ-Dương và thị vệ trao đổi nhau có 17 câu nói ngắn mà thôi. Giây phút ấy không đủ cho Phàn U-Kỳ về nhà, viết thư, tự cắt cổ và không đủ cho gia-tướng của Kỳ mang 2 vật ấy trở lại Thái-tử Đan. Nếu cho Phàn U-Kỳ tự cắt cổ trước mặt Thái-tử Đan, lấy cớ đem cái thủ-cấp mình để mở then chốt vào cung Hàm-dương của vua Tần, võ kịch sẽ thêm biết bao bi-thảm, biết bao cảm-dộng và sẽ hợp với lý luận biết bao! Cái chết ấy sẽ tỏ cho bá quan, nhất là cho Cúc-Vũ, thấy tấm lòng trung nghĩa và chí quyết hy-sanh của Phàn đề đền đáp sự hậu đãi của Thái-tử Đan.

Về một loại ý-kiến khác, Kinh-Kha là một đồng sĩ « không còn biết gì là sợ-hãi trước cái dữ dội của biển ngàn, trước cái rộng

lớn của trời đất, và trong sự dân bề gồm ghềnh của vận đò » (*Người Ngàn Thu Cũ tr. 35*). « mừng giận không hình ra sắc mặt » (*Ibid. tr. 41*), thật là một kẻ hào-khiet trượng phu, thế mà ông Vi Huyền-Đắc cho Kinh-Kha phát lộ tức giận ba lần và ba lần đã cho Kinh-Kha toan rút gươm đối thủ với bọn võ-tướng Tần khinh mạn. Ông Vi Huyền-Đắc đã cho Kinh-Kha một cử-chỉ không anh-hùng chút nào. Thành thử cuộc gặp-gỡ giữa Kinh-Kha và võ tướng Tần đã chẳng làm tăng phẩm-cách anh-khiet của Kinh-Kha mà lại còn làm kém giá-trị của đồng-sĩ.

Phải chỉ cho bọn võ tướng Tần vào quán hành-hung dạng tỏ tánh tàn bạo của quân Tần và tỏ luôn sự hăm-dọa của Tần đối với Yên, cho chúng vào quán trước, khi

chúng nổ ra đi bỏ lại những nạn nhân ở quán, Kinh-Kha mới vào, nghe thấy tự sự, nổi trận lôi đình, rút gươm rượt theo quân tàn-bạo. Kinh-Kha vừa ra khỏi quán, gặp Diên-Quang đến tìm mình, dắt Diên-Quang vào quán, rồi, sau khi giao phó việc báo thù Yên cho Kinh-Kha, Diên-Quang tự sát.

Ở đây, tôi chỉ ^{***}xem về phương diện kịch, xin gác ngoài sự so-sánh cốt truyện về Kinh-Kha với cốt truyện trong *Người Ngàn Thu Cũ*, vì công việc sau này là một vấn đề khác.

Về Ông kỳ ^{***}Cóp thiếu nhiều hoạt-dộng; về Kinh-Kha có thể rất hoạt-dộng, song tác giả làm ra tẻ-liệt mất đi. Trong *Hai Võ Kịch*, tác giả chưa đi đến mục-dịch vậy.

TỔ PHANG

Chống nạn khan giấy

(Tiếp theo trang 5)

Quản địch của những người cầm bút là những quân đầu cơ đã bày sẵn thế trận!

Trước sự ủng hộ của chính-phủ ở đây, của ủy ban về giấy, của các độc giả thân yêu, chúng ta nỗ lực phấn đấu với kẻ thù.

Hỡi các nhà cầm bút!

Hỡi các bạn chuyên môn về phóng sự!

Các bạn hãy vì lợi quyền chung đi bèn nhà đương đạo, lôi ra ánh sáng những hành vi phi pháp của những quân đầu cơ giấy!

Chúng ta đã bán mình cho một sứ mệnh.

Chúng ta đang vui lòng hy-sinh cho một lý tưởng.

Đời của chúng ta là một cuộc chiến đấu với hết thầy mọi kẻ thù đến hơi thở cuối cùng.

Những quân đầu cơ giấy đang

ngang nhiên tìm cách bóp chết chúng ta. Trước kẻ thù nguy-hiểm, ấy không bao giờ chúng ta chịu cời giáp trước khi ra trận, không bao giờ chúng ta sợ thương tích, sợ cái nhục nhã của chiến bại!

Chúng ta, những nhà văn nhà báo, cần phải sống, sống những giờ phút vinh quang mãnh liệt để được vui vẻ trông thấy những kết quả của các nguyện vọng thiết tha đã từng nung nấu trong thâm tâm chúng ta. PHẠM MẠNH PHAN

Đón coi số tới:

ĐỜI LỜI THÊM VỀ CHÚA NGUYỄN ÁNH và ĐÀO CÔN-LÔN của Lê-Thọ-Xuân

Phê bình

« LUẬN VỀ TIẾNG NAM »

Ứng-Hoè viết

Nguyễn Văn Thắng, soạn-giả tập Kim Vân Kiều án, khác với Nguyễn Văn Thắng, tên cũ cụ Yên-dồ.

của H. B.

Một kỳ sau:

HOA - TIÊN TRUYỆN

của Đào Duy-Anh

VẤN-ĐỀ DỊCH SÁCH

của Đỗ-Thức

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như:

Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng

ngô, gạo, ván ván.

Nơi giao dịch:

Thư báo đảm và bưu phẩm xin gửi về cho M. Bùi thọ Cao;

N. 2 Rue Strabourg

HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 \$ 50 bằng timbre để làm cước phí.

MINH - hoàng
biết Dương
Quý-phi đã rõ
hết sự tình,
bèn cáo bình
không chịu
làm triều, ở
lại gác Tây-
cung Thúy-hoa
tìm cách che
chở cho Mai-
phi.

Dương Quý-
phi giận dữ bỏ
ra về.

Nhưng Mai-
phi cũng đã
lén trốn về
Thượng-dương
cung rồi.

Minh-hoàng
truyền cung nữ

gói đôi hài cánh phượng của Mai-
phi bỏ quên lại, đem giao trả cho
nàng.

— « Nhà vua nay đã thật lòng
bỏ ta rồi sao ?

Mai-phi hỏi qua giọng lệ.

Cung-nữ đáp ;

— Tàu lệnh bà, quân-vương lòng
vẫn còn quý mến lệnh bà ; nhưng
lại có bụng kiêng-nề Quý - phi...

— Đã yêu ta, sao lại còn sợ con
tiện-tỷ ấy ? Chẳng qua quân vương
hết sủng ái ta đó thôi !...

Từ đó, Mai-phi ngày đêm nghĩ
cách mua chuộc lại tình yêu của
nhà vua. Nàng nhờ Cao lực sĩ tìm
người hay chữ, mượn làm giùm
mình một bài phú, theo kiểu
Trường-môn phú của Tư-mã
Tương-Như ngày xưa làm giúp
một bà hậu phi, đề nhen lại lửa
lòng yêu-thương của Hán Vũ-dê.

Nhưng họ Cao sợ thế lực Dương
Quý-phi, cho Mai-phi hay :

Chẳng tìm đâu ra một chàng Tư-



(Tiếp theo và hết)

mã thứ hai được.

Thế là Mai-phi huộc lòng tự
mình làm ra bài phú *Lầu đông* :

*Ngọc giám trần sanh,
Phung âu hương diên.
Lại thiên mấn chi xảo sớ,
Nhàn lữ y chi khinh luyện.
Khô lịch mịch vu Huệ-cung,
Đần ngưng tư hồ Lan-diện !
Tín phiêu-lạc chi mai hoa,
Cách tràng môn nhi bất kiến !*

Tùng - Vân Nguyễn Đôn-Phục
dịch nghĩa :

*...Kính ngọc trần dơ,
Hộp loan hương tây.
Đầu biếng chải dầy,
Áo buồn gấp dầy.
Cảnh Huệ - cung tịch - mịch
thương thay !*

*Hồn Lan - diện băng - khuông
xiết mấy !*

*Cánh hoa mai tan-tác biệt về
đâu ?*

*Ngao-ngán nỗi Trùng an trông
chàng thấy ..*

Rút sợi tơ
lòng phờ xong
trên mảnh hoa
tiên, Mai - phi
uể - oải đứng
dậy, ra hiện
hoàng-cung
hóng mát. Vén
bức châu liêm,
nàng đưa rộng
tầm mắt ra xa
tận chơn trời,
tới tận ngàn
cây bóng núi
ở phía Đoài,
thoạt cát bụi
tung trời :
một đoàn
người ngựa
nhắm hoàng
thành hăng-hái
tiến-tới.

Mai-phi nhớ lại hồi còn được
nhà vua sủng-ái, năm năm đều
có sứ-giả đất Giang-nam tiến kinh,
cống hiến hoa mai. Nàng lầm bầm :
« Giang-nam bửu vật hiếm lắm :
chỉ có hoa mai !... » rồi gọi một
cung-nữ hỏi :

— Phải chăng đó là đoàn mai
hoa sứ ở đất Giang-nam ?

— Tàu lệnh bà, đó là đoàn lệ-
chi sứ-giả ở đất Lĩnh-biêu tiến Kinh,
cống hiến quả lệ-chi cho Dương
Quý-phi.

Mai-phi chau mày, cõi lòng tan
nát !...

Nhưng, đối với Mai-phi, Đường-
Minh-hoàng ân tình vẫn chưa tuyệt.
Một hôm, vua đang yến ẩm ở Hoa-
ngạc lâu, chợt có sứ-giả đất Đông
đò đến. Vua bèn nhờ tay sứ-giả
Đông-dò đem về Thượng-dương
cung trao tặng Mai-phi một vốc
trần châu đẹp. Mai-phi từ tạ không
nhận lãnh, lại viết một bài thơ,

nhờ sir-giả mang đến cho vua.
Thơ rằng :

*Liều điệp song mi cửu bất miếu,
Tàn trang hòa lệ thấp hồng
tiêu !*

*Tràng-môn lục thị vô sơ đầy,
Hà tất trần-châu úy tịch liêu ?*

Tùng-Vân dịch nghĩa :
*Mày liều lor-thơ có biết không ?
Phấn tàn hòa lệ thấm khăn
hồng.*

*Tràng-môn trái gọi vì ai đó,
Thềm gỏi trần châu dề bện
lòng !...*

Minh-hoàng xem thơ rất ngậm
ngùi, bèn truyền nhạc phủ đem
lời thơ áo não phổ thành khúc
nhạc âu sầu, lấy tên là :

Nhất hộc trần châu khúc.

Tuy nhiên, Minh-hoàng vẫn một
mực sững-ái Dương Quý-phi và
ngày đêm say mê khúc múa của
Quý-phi — một khúc múa tuyệt
luân : *Nghê thương vũ y-khúc.*

Quý-phi được quân-vương coi
như vàng ngọc, nhưng lại dãi quân-
vương bằng sự trác nết lang tâm :
nàng nuôi làm con trong cung
cấm tên rợ Hồ bưng phệ An-Lộc-
Sơn, đề cùngh nhau thông dâm
đêm ngày !...

Minh-hoàng ngu muội cứ nghe
lời Quý-phi, phong quan tước, giao
bình quyền cho An-Lộc-Sơn, mãi.
Đề rồi, Lộc-Sơn, dất Ngư-dương
khởi loạn, kéo binh về kinh làm
« khúc Nghê-thường tan biến như
không », đánh đuổi Minh-hoàng
cùng tướng-sĩ vào Ba thực.

Trong lúc xuất bôn, Minh-hoàng
1 bước vẫn không rời Quý-phi. Thế
cho đúng với câu cả hai đã có
lần cùng thề thốt với nhau : « Đòi
ta sống làm chim liền cánh, chết
làm cây liền cành ».

Nhưng khi chạy tới gò Mã-ngôi,

tướng-sĩ phản dật, không chịu
chiến đấu nữa ; bực nhà vua
phải đem giết Quý-phi, nhiên hậu
mới chịu đánh giặc vì cho rằng
Quý-phi là cội nguồn của giặc rợ
Hồ, An Lộc-Sơn.

Minh-hoàng tuy không coi
giang san làm trọng, nhưng thấy
tướng-sĩ cả-quyết quá, biết khó
châu-toàn cho Quý-phi được, bèn
ban cho nàng mấy thuốc lụa đào,
để nàng dùng tự ái cho dạng toàn
thầy.

Quý-phi chết rồi. Tướng-sĩ vui
lòng nỗ lực đánh tap giặc, đem
vua về triều, giữ vững chiếc áo
vàng.

Từ đó, « hôn phượng phảng lạng,
hai kinh vũng vàng » Đường Minh-
hoàng ngất ngưỡng trên ngôi báu,
lạ hưởng giàu sang sung
sướng !... Nhưng vào những lúc
đêm thâu buồn tanh, chốn thâm
cung, ngoài vườn vắng, dẫu dẫu
cũng tràn kỷ-niệm của một thời
ái ân qua... hãy còn sờ sờ vì
hương thừa !...

Đêm khuya, nằm không ngủ
được, bâng-hoàng chỗi dậy, Minh-
hoàng khoác áo, dẫu đội mũ lệch,
mở rèm châu, lần bước xuống
thềm, ra ngoài vườn vắng...
Ngọn gió đêm hiu-hắt thổi bay tà
áo mình khiến nhà vua mơ màng
nhớ lại khúc *Vũ y nam nọ* của
Quý-phi :

*Cầm áo dậy thân-thơ buồn
bực,
Mở rèm châu bình bạc lần
ra.*

*Bâng-khâng nửa mái mây tà,
Thềm cao xuống chiếc mu
hoa lệch dĩa.*

*Phơi-phơi áo bay mau ngọn
gió,*

Múa Vũ y năm nọ còn như.

*Lệ tràn mặt ngọc lư-thư,
Cành hoa lệ trêu hạt mưa
xuân dầm !... (1)*

Và nhưn cảnh phù-dung mãn
khai, Minh-hoàng làm sao khỏi lo-
tuông đến mỹ-nhân « nhan như
ngọc » :

*Phù dung đỏ mặt ai dàu tả ?
Mày liễu dàu ? cho lá còn như !
Càng trớ hoa liêu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa
ướt dầm !... (2)*

Càng tuông nhớ Dương Quý-
phi, Minh-hoàng lại càng thương
tiếc Mai-phi. Nhà vua tuông Mai-
phi trong cơn binh hỏa thất lạc
đi nơi nào, nên xuống chỉ ban
tước quan tam phẩm, tặng thưởng
kim tiền trăm vạn cho ai tìm ra
được tông-tích Mai-phi.

Nhưng than ôi ! Ngày lại ngày,
tông-tích Mai-phi vẫn một-mùng
tam cả !...

Mãi lâu sau, mới có một hoạn-
quan đem dâng vua một bức họa
vẽ hình Mai-phi, trong có một bài
thơ của một kẻ vô danh đề rằng :
*Ức tích kiều phi tại tử thần,
Tích hoa bất ngữ dục thiên
chân.*

*Sương tiêu tuy tự đương thời
thái,*

Tranh nại kiều ta bất cổ nhân !

Tùng-Vân dịch nghĩa :

*Nhớ xưa người đẹp ở trong
cung,*

*Cái đẹp, thiên ; nhiên lộ chuốt
hồng.*

*Tuy nét xuân sơn in vẽ cũ,
Nhưng làn thu thủy liếc ai
không.*

Minh-hoàng đọc thơ xong, khỏi
cầm được giọt lệ.

(Xem tiếp-trung 21)

BÁ ĐA LỘC với HOÀNG TỬ' CẢNH

Số II

NGUYỄN-TRIỆU

Thầy ra đi gian-nan khờ-hạnh ;
con thuyền đi vòng Phi-châu một
năm rưỡi mới tới đảo Madagascar ;
đến nam sau là ngày 21 juin 1766
tới Pondichéry và 22 septembre
tới Áo-môn và mãi đến cuối-Décem-
bre mới sang tới đất Nam-kỳ. Bấy
giờ quan tổng binh Nam-triều là
Mac Thiên-Tứ (1) đã cho phép các
cố đạo lập trường dòng ở Hòn-
dất (2). Nhà dòng bấy giờ lợp
bằng tre lá, có được chừng 40 tín-
đồ, người Nam, người Tàu và
người Xiêm. Ngày 11 Mars 1767
Đức Thầy Bá Đa Lộc mới tới đó.

Được vài năm, hôm 13 Novembre
1767, nhân có bọn giặc cỏ Tàu và
Miền tới cướp phá nhà dòng, giết
chết ba người Nam trong bốn đạo và
đánh cổ Artaud trọng thương mất
ngày 28 Novembre 1769, nên Đức
thầy cùng cố Morvan phải bỏ Hòn-
dất. Ngày 11 Décembre 1769 Đức
Thầy lại giong hết cả xuống thuyền
rời dời đi Malacca và tới nơi vào
ngày 3 janvier 1770.

Bấy giờ khắp nước Nam đâu đâu
cũng có giặc nổi lên cướp phá và
chúa Nguyễn là vua chính-thống
thì cứ thua mãi, nên Đức thầy
luống những tiến thoái lưỡng nan,
không còn biết đi đâu : ở lại không
yên và đi sang Xiêm hay Cao-mên
thì cũng không hơn gì !

Đức Thầy bền quả-quyết tiện
đường trở về Pondichéry, nhưng
nhờ bóng cờ ba sắc ở đây mà
truyền giao cho được yên-ôn, đợi
đáp sẽ liệu. Hồi tháng Juin 1770, Đức
thầy lập trường dòng ở làng Viram-

patman cách Pondichéry chừng
một cây số và ở đến đầu tháng
juillet 1774 lại đi Áo-môn và đến
ngày 16 Septembre thì tới nơi.
12 Mars 1775 Đức-thầy lại đến Hà-
tiên nương nhờ các quan Nam-triều
mà giảng-đạo. Bấy giờ là lúc
Trịnh Nguyễn đang đánh nhau ;
quân Hoàng ngũ-Phúc phạm tới
Phủ-Xuân, Hiếu-dịnh vương là
chúa Nguyễn phúc-Thuần cùng
cháu ruột là Phúc-Anh vượt hồ
chạy vào Nam. Quân Tây-sơn nổi
lên lung-tung, đánh phá từ Quảng-
nam Quảng-ngãi rồi lần tiến vào
đến Nam-kỳ.

Sau khi Duệ-Tôn Nguyễn phúc-
Thuần bị quân Tây-sơn hại ở
Long-xuyên (nay là Camau) ngày
18 tháng 9 nam đinh - dậu
(Décembre 1777) và Tân chính
Vương Phúc-Dương cũng bị bắt
ở Ba-Vật (hạt Bentre) thì giòng
họ nhà Nguyễn chỉ còn được
chúa Phúc-Anh là cháu gọi Duệ-
Tôn bằng chú, trốn thoát được
song tiết-chế Nguyễn văn-Lữ truy
tầm đuổi bắt cho bằng được để
giết đi cho tuyệt. Chúa Nguyễn-
Ánh và mấy vị quan đi theo lạc
chạy vào nhà giòng đức-thầy Bá-
Đa-Lộc được đức-thầy che chở
và giấu được nên tôi chúa nhờ
vậy mà thoát nạn.

Bấy giờ đâu đâu cũng có giặc
nổi lên ! Ở nước Nam thì thế và
ở đất Cao-mên thì cũng chẳng
yên ổn hơn, nên Đức-thầy lại
muốn đem trường dòng sang đất
Xiêm ở Chantaboun mà nương náu
chờ thời. Sau thấy thời cuộc đã lăm

yên, Đức-thầy lại đem nhà dòng
về đất Nam-kỳ lập ở bên sông
Thị-nghê mà nay tức là ở nơi cạnh
sư nhà Bảo - tàng Blanchard de
Labrosse trong Sở-thú ở Saigon.
Đồng-duyên học hội cũng đã có
dựng một tấm bia kỷ-niệm ở đó.

Bấy giờ chúa Nguyễn-Ánh đã
thu phục hẳn được thành Sài-gòn,
đóng ở Bến - Nghé. Giữa chúa
Nguyễn và Đức thầy, tình bầu bạn,
nghĩa tâm giao mỗi ngày một thêm
bền chặt. Và ngay bắt đầu trận
thua ở cửa Cần-giờ hồi tháng 3
năm nhâm-dần (Mars-Avril 1782)
cũng đã có chương - vệ Mạn-Hòe
(3), tức Manuel, là một người
Pháp giúp việc trong nhà dòng mà
Đức-thầy cho xuất-trận đánh giúp
Nguyễn-vương. Trận này Mạn-Hòe
tử trận một cách anh-hùng can-dảm
mà sau này Vương truy-phong cho
là Phụ chính Thượng tướng quân
An-hòa hầu và thờ tại đền Hiền-
Trung trong trại Ô-ma ở Saigon
bây giờ.

Sau khi thua trận này, chúa
Nguyễn Ánh thua mãi, tuy có cầu-
viện được quân Xiêm sang giúp,
song lại bị quân Nguyễn-Huệ phá
tan ở Mỹ tho và trái lại lương dân
còn bị quân Xiêm tàn phá là khác !
Đức-thầy khuyên Vương chỉ còn
một kế là sang cầu viện Pháp-
hoàng và cần phải cho Hoàng-
tử sang làm tin mới được. Bấy
giờ Vương có thua mãi và không
còn trông cậy vào nước Xiêm
được, nên đành nhất định giao
Hoàng - tử Cảnh, năm ấy mới

4 tuổi cùng quốc ấn và một bức thư riêng ủy thác các việc cho Đức thầy tự tiện mà thương-nghĩ với Pháp đình đề xin cứu viện và lại sai hai quan đại-thần là Phó vệ úy. Phạm-văn-Nhân và Cai-cơ Nguyễn-văn Liêm đi theo phò đề giữ-gìn Hoàng-tử.

Mùa đông năm Giáp - thìn (Décembre 1784), Đức thầy Bá Đa-Lộc dắt Hoàng-tử Cảnh cùng hai quan đại-thần đi sang Pondichéry, mãi đến nam Bình-Ngọ (Juin 1786) đáp tàu « Malabard » về Pháp. Xuân Đinh - vị (Février 1787) tới cảng Lorient nước Pháp.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

1-) Xem Tri-Tân số 50 trang 23 ước chú 13.

2-) Ở hạt Kampot (Cao-miên) cách Hà-tiên chừng 10 cây số.

3-) Xem Tri-Tân số 9 trang 17.

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng mong chờ, cũng nên đọc đầu là người mạnh, người phôi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hanoi : Hiệu sách Đông-Tây
195 Hàng Bông
Huế : Hiệu sách Văn Hòa
29 Maréchal Pétain
Saigon : Nhà sách Nguyễn-
khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng.
Xin đặt trước nơi Ông Nguyễn
Khánh-Đàm.

Hoa mai

(Tiếp theo trang 19)

Ít lâu sau, một buổi trưa, nằm thiu-thiu ngủ, nhà vua thấy Mai-phi hiện về, rơi lụy kè-lè ;

— Thuở trời đất nời cơn gió bụi, quân-vương xuất hồn, xa lánh khỏi Trường-thành, tiện-thiếp chệt trong đám loạn quân. Có kẻ thương hoa tiếc ngọc, chẳng nỡ đề thiếp hoại thề, đem vùi nòng nâm xương tàn dưới gốc mai già, rủ ngọn về dòng, trên bờ ao...

Khi tỉnh dậy, nhà vua truyền quân hầu vào cuộc xuống ra bờ ao Thái-dịch đào xới tìm kiếm. Vẫn không thấy gì!... Sau vua nghĩ ra rằng: ở ven ao Thang tri của Ôn tuyền, có hơn chục gốc mai già rủ ngọn về dòng. Vua ngự xa giá ra tận nơi ấy, sai quân đào xới từng gốc mai, tìm thi-hải Mai-phi.

Tìm được chỗ vùi ngọc rồi, Minh-hoàng truyền lấy lễ hoàng phi cải Wang nàng rất trọng hậu.

Lộc mê mãi kể chuyện.

Mai mê mãi nghe.

... Thoảng ehốc, cô thôn khuất bóng hoàng hôn, và trăng tròn vành vạnh ở phía đông lên gần giữa trời.

Trăng rằm đêm xuân mộ cũng đẹp chẳng kém trăng rằm tháng đầu xuân. Chỉ có loa mai là buồn rầu bay tới tả...

Mai nghe em thuật chuyện Mai-phi, rồi lại bồi hồi nhớ tới chuyện mình: đời Mai sao mà tan tạc như thế?...

Mai nhớ lại sau khi vợ chồng chia tay nhau, có một đêm trăng rằm mùa xuân như đêm nay. Hai ở Cần-thơ lần mò vào Bình-thủy đến « Mai-trang », tìm hồn thảng Xuân. Lòng cha bấy giờ mạnh hơn lòng tự-ái trong thâm tâm chàng.

Hải cho Mai hay chàng đã bỏ Hàng và ngỏ ý muốn làm lại cuộc đời với Mai. Nhưng bấy giờ, vì lòng tự ái vô ý thức quá mạnh, đã trả thù sự bị ruồng bỏ trong bao nhiêu năm, Mai cự tuyệt Hải, khiến Hải phải lui thủ ra về.

Hải đi rồi, Mai mới tiếc và hối hận.

Và kể từ đó, mỗi độ xuân về, trăng tròn, mai rụng, Mai đều háo hức chờ trông Hải trở lại với mình, với con.

Nhưng Hải bởi bị hủi, hủi một phen, cũng vì lòng tự ái vô ý thức quá mạnh, không bao giờ trở lại Mai trang tìm hồn con lâu nữa.

... Mà nay lần mai lửa ngày xuân qua!...

Ôi! lòng Mai thồn - thức bao mỗi hạn, mỗi khi nung mắt mờ lệ, nhìn thêm xưa, thấy mai rụng, bóng trăng mờ!...

(Hết)

KIỀU THANH QUÊ

Vient de paraître

RECUEIL DE DICTÉES

données au Certificat d'études primaires et aux

concours d'admission aux Établissements Primaires

Supérieurs par **DUONG QUANG HAI** professeur

Un volume de 200 pages, 3e édition — Prix 1\$20

Port 0\$33 — Écrire : Đông Tây, 190, rue du Colou — Hanoi

Nói chuyện tại hội Trí-Tri Nam-định

TÌNH TRẠNG NỀN HỌC XƯA VÀ CHỈ HƯỚNG NGƯỜI HỌC TRÒ XƯA

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TÁU

Dưới đầu đề này, hồi 20 giờ 30 ngày 3 Décembre 1942, ban Nhật-Nham Trịnh như Tấu Tham-lá phủ Thống-sĩ Bắc-kỳ bản-chỉ biên tập viên, đã nói chuyện giúp ban giáo khoa hội Truyền bá quốc ngữ tại hội quán hội Trí Tri Hanoi. Cuộc nói chuyện ấy đã hấp dẫn một số đông thính giả đủ các giới và rất được hoan nghênh. Các báo chí tây nam đã từng tường thuật, chúng tôi không cần phải nói thêm nữa.

Theo nhời mời của ông Ngô ngọc Kha, Chánh hội trưởng hội Trí Tri Nam định, ban Nhật-Nham lại đem câu chuyện này xuống Nam thành trình bày trước một số đông trí thức của đất văn vật, hồi 20 giờ 30 tối thứ bảy 16 janvier 1943. Câu chuyện có sửa đổi lại và bổ túc thêm, nên tại Nam định cũng như tại Hà-thành, diễn-giả đã được công-chúng chú-ý.

Dưới đây, xin đăng nguyên văn câu chuyện nói tại hội-quán hội Trí-Tri Nam-định tối 16 janvier 1943.

TRI - TÂN

Thưa các bà,
Thưa các ngài,

Tối thứ năm 3 Décembre 1942, tôi đã đem câu chuyện « Tình-trạng nền học xưa và chỉ-hướng người học trò xưa » trình bày trước một số đông thính-giả đủ các giới tại hội quán hội Trí-Tri Hà-thành.

Ngày hôm nay, tôi lại đem câu chuyện ấy ra hầu các ngài, được các ngài quá yêu tới chứng kiến đông như thế này, tôi rất lấy làm cảm-động, không biết lấy gì tạ ơn được. Tôi tự biết: nhắc đi nhắc lại một chuyện, sẽ làm cho câu chuyện ấy giảm phần hứng thú. Song thiết nghĩ: tuy cùng một đầu đề, nhưng nói tại hai nơi khác nhau, trước thính giả hai vùng, và câu chuyện về văn học đem trình bày tại một hội học của đất nghìn năm văn vật, tưởng cũng chưa đến nỗi vô ích vậy. Cho nên, theo nhời yêu-cầu của ông Chánh-hội-trưởng bản hội, tôi xin thuật lại câu chuyện

đã nói tại Hà-thành nhưng có bổ-túc thêm và có sửa đổi lại cho hợp với hoàn cảnh,

Câu chuyện này tôi đã được các bậc cao-minh ở Hà-thành lấy lòng mà hoan-nghênh, tôi còn mong các ngài lấy lòng thành-thực mà chỉ giáo cho những điều khuyết-diểm.

Thưa các bà,
Thưa các ngài,

Đêm mồng mười tháng tám mới rồi, san khi dự lễ kỷ-niệm cụ Tiên-Điền tại hội-quán hội Trí-Tri Hà-thành tôi ra về với một vẻ hân-hoan là đã đầy đủ bổn-phận đối với một nhà đại-thi-hào của đất nước.

Trông lên một mảnh trăng thu vàng vạc giữa trời, tỏa ra một bầu ánh sáng êm dịu, chiếu xuống mặt hồ Gươm phẳng lặng in bóng liễu thướt-tha trước làn gió thu hiu-hiu thổi. Mấy lần nước xanh, nguyệt lồng hoa thắm, đối cảnh trạng thanh-giới mát, không thể vô-

tình mà không nhớ tới mấy câu khiên-hứng:

« Kim dạ nguyệt minh nhân
tận vọng,

Bất tri thu tứ tại thù gia ? »
Nghĩa là:

Trăng tỏ, đêm nay, ai cũng
ngắm,

Tứ thu nào biết ở nhà ai ?

Dưới bóng thiềm, tôi lững thững dạo qua các phố xem quang cảnh tết Trung-thu. Hai bên hè phố Hàng Gai, bày la-liệt những ông tiến-sĩ bằng giấy, đủ cả mũ, áo, hia, liốt, cân đai, cờ, biền, đúng như bài thơ của cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ :
« Cũng cờ, cũng biền, cũng cân-
đai,

Cũng gọi ông nghè, có kém ai !
Mảnh giấy làm nên thân giáp
bằng,

Nét son điểm rõ mặt văn-khái.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ ?
Cái giá khoa-danh, ấy mấy hơi !
Ghế chèo, lọng xanh, ngồi bảnh
chọc,

Nghĩ rằng đồ thật, học đã chơi !

Đứng trước cảnh tượng ấy, trong óc tôi bỗng nảy ra một quan-niệm.

Trông thấy các ông nghề bằng giấy bày la-liệt hai bên hè phố Hàng Gai, ai chẳng tưởng-tượng đời xưa các ông tiến-sĩ đồ rất nhiều, thi-cử xưa rất dễ-dàng, nên « cái giã khoa danh ấy mới hời ». Nhưng có biết đâu trước khi nhờ « mảnh giấy làm nên thân giã bằng » và được « nét son tô-diềm mặt văn-khôi », người học trò xưa phải khổ-tâm luyện trí, rèn tài, sỏi kinh, nấu sữ, phải vượt qua bao nỗi khó khăn về vật-chất cũng như về tinh-thần, mới chiếm được bằng vàng, thành danh tiến-sĩ.

Việc học đời xưa rất là phức-tạp mà người học-trò đời xưa không thể không kiên-nhẫn mà đi tới đích được.

Việc học đời xưa được phổ-cập

khắp các nơi, sự truyền bá học vấn được tự-do, nên từ thềm đi đến thôn quê, từ trung châu đến miền sơn cước, đâu đâu cũng có trường tư-thục dạy học trò học đọc, học viết, học làm câu đối, làm văn và đồng-thời, cũng dạy cách ăn nết ở cho thiếu-niên nữa.

Những trường ấy do ông thầy tự mở ra, hay một làng, một nhà quyền quý, một nhà giàu có lập ra cho con em trong nhà và người đồng-hương cùng học. Ông thầy thi hoặc là hưu quan, hoặc là ông nghề, ông cử, ông tù hay ông đồ. Tiếng ông đồ xuất-xứ từ đời Hậu-Lê Triều-Lê lấy đỗ sinh - đồ từ là tú-tất ngày nay, sau người hình mượn tiếng ấy để tặng những người học giỏi mà thi chưa đỗ.

Trước khi cho con học, cha mẹ mượn thầy thông-minh đức hạnh, nhờ lựa ngày lành khai tâm cho

con. Đứng ngày, cha mẹ phải đem lễ xôi gà hay thủ lợn, trầu, rượu đến mời thầy đồ thầy làm lễ khấn Thanh-sư, Qiên-hiền, là những bậc xưa kia đã soạn sách cho học trò học.

Lễ xong, học-trò lễ thầy hai lễ để chịu ơn, rồi bắt đầu học sách Tam-tự-kinh tập viết, tập làm câu đối.

Cách trượng-phật học-trò rất nghiêm khắc học trò làm câu đối thất-luật hay viết chữ mất nét thì phải vòng mep: Thay cầm bút son vòng hình bán-nguyệt vào mep học-trò, học-trò phải đề nguyên cho đến khi về nhà mới được rửa, để cha mẹ biết lỗi của con mà răn dạy.

(Gòn nữa)

Nhật-Nham TRINH NIU TẤU

Giải thưởng năm 1942 của Hội Khuyến Học Nam-kỳ

Chiến-tranh lan tràn. Mọi vật đều hết, đều khan, Giấy cũng thiếu mà mực cũng thiếu. Tuy vậy mặc dầu, sách vở trong năm 1942 cũng vẫn in ra, ra nhiều không thua mấy năm trước.

Tiếc thay! trong đám nhiều ấy, chúng tôi không gặp được một tác-phẩm nào xuất-sắc.

Văn-học ta bản lùi chẳng? Quyết không. Văn-học ta vẫn đi tới. Bằng-chứng là nó đã xây hướng: từ văn tiểu-thuyết mơ-màng lãng-mạn dễ chơi, tới văn khảo-cứu chặt-chẻ nề-nếp đề học. Nhưng có lẽ vì mới đổi đường, chưa quen thuộc lắm, cho nên phần đông văn sĩ ta có đáng ngại-ngùng, chưa mạnh chơn thẳng bước.

Nhưng không vì thế mà hội Khuyến-Học không khuyến người học.

Giải-thưởng năm 1942 cử phát. Chẳng phát được trọn cho một tác-phẩm, thì chúng tôi chia nó ra làm ba, mỗi phần về:

Ông LƯU-HỮU-PHƯỚC, sanh-viên trường Đại-Học Đông-Dương, tác-giả bản âm nhạc « Sông Bạch-Đàng ».

Ông LÊ-CHÍ-THIỆP, tác-giả quyền « Triết-học Bergson ».

Ông KHUÔNG-VIỆT, tác-giả quyền « Tôn-tho-Tương » đề tỏ lòng khuyến-khích.

HỘI KHUYẾN-HỌC NAM-KỲ THỌNG CÁO

Ba phần thưởng trên theo thiên kiến chúng tôi rất là thích đáng. Bản chỉ xin đề lời mừng riêng ba bạn Lưu-hữu-Phước, Lê-chí-Thiệp, Khuông-Việt mà các bạn đọc đã từng thấy tên ở dưới các bài trong Tạp chí này.

T. D.

RẺ! HAY! ĐẸP!

đó là 3 cái đặc - điểm các sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in **MAI-LINH** — Hanoi

Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN**KIM-VÂN-KIỀU**

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-văn-Vinh** 330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4 \$ 00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2 \$ 00 (cước 0 \$ 54) Loại đặc biệt 7 \$ 00 (cước 0 \$ 60)

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-văn-Nưu** đã được giải thưởng của báo *Patrie Annamite* (ngọt 100 trang). Loại thường bán có 0 \$ 50 (cước 0 \$ 32). Loại đặc biệt 4 \$ 00 (cước 0 \$ 47)

SẮP XUẤT BẢN**Thơ Ngu ngôn**

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông **NGUYỄN-VĂN-VĨNH**. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của **MANH-QUỲNH** (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1 \$ 00 (cước 0 \$ 40). Loại đặc biệt bán có 5 \$ 00 (cước 0 \$ 54)

NHỮNG SÁCH CỦA**Lê-Thăng xuất bản**

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

- 1) Từ học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p. 25
- 2) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 3p. 00
- 3) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 4p. 00
- 4) Phật lục, Trần-trọng-Kim, 0p. 80
- 5) De Hanoi à la Courtine Phạm duy Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt. toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1 Các giao sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

NGÔ TẤT TỐ**THI VĂN****BÌNHH : CHỮ**

QUYỀN THỨ I : 1 \$ 20

QUYỀN THỨ II : 1 \$ 50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị hợp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN**SẮP PHÁT HÀNH****I. Thanh Niên**

VÀ

Thực Nghiệp

của **Lê văn Siên** — Bàn về cách chọn nghề của thanh niên và cách hoạt động về thực nghiệp để đoạt được sự thành công

II. Nhân Loại**Tiên Hóa Sử**

của **N. Bách Khoa** — Khảo về cuộc tiến hóa đồ sộ của loài người từ thượng cổ đến hiện đại

ĐÃ XUẤT BẢN**THĂNG KINH**

tiền thuyết giáo dục của **Nguyễn-đức Quỳnh** 3 \$ 50

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

của **Nguyễn-bách-Khoa**

3 \$ 50